

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP KIỂM TRA CUỐI HK I - NĂM HỌC 2023-2024

Môn: Lịch sử 12

Phần I: Trắc nghiệm (7 điểm)

Bài 1: SỰ HÌNH THÀNH TRẬT TỰ THẾ GIỚI MỚI SAU CHIẾN TRANH THẾ GIỚI THỨ HAI (1945 - 1949)

Câu 1. Hội nghị Ianta được triệu tập khi chiến tranh thế giới thứ hai

- A. bước vào giai đoạn kết thúc.
- B. đã hoàn toàn kết thúc.
- C. giai đoạn khốc liệt nhất.
- D. bùng nổ và ngày càng lan rộng.

Câu 2. Một trong những mục đích của Liên hợp quốc là

- A. Duy trì hòa bình an ninh thế giới.
- B. Duy trì hòa bình an ninh khu vực
- C. Phát triển mối quan hệ hữu nghị hợp tác kinh tế giữa các nước thành viên
- D. Giúp đỡ các nước thành viên phát triển văn hóa thương mại

Câu 3. Tham dự Hội nghị Ianta gồm nguyên thủ ba cường quốc

- A. Liên Xô, Mĩ, Anh.
- B. Liên Xô, Anh, Pháp.
- C. Liên Xô, Mĩ, Pháp.
- D. Mĩ, Anh, Pháp.

Câu 4. Theo thỏa thuận tại Hội nghị Ianta (2/1945) quy định Liên Xô sẽ chiếm đóng:

- A. Miền Đông Đức, Đông Béclin và các nước Đông Âu.
- B. Miền Tây Đức, Tây Béclin và các nước Tây Âu.
- C. Miền Đông Đức, Đông Béclin và các nước Trung Âu.
- D. Miền Tây Đức, Tây Béclin và các nước Đông Âu.

Câu 5. Để nhanh chóng kết thúc chiến tranh, Hội nghị Ianta (2/1945) thỏa thuận

- A. Liên Xô sẽ tham chiến chống Nhật ở Châu Á.
- B. Mỹ sẽ ném bom nguyên tử Nhật Bản.
- C. Anh sẽ tấn công Nhật Bản ở Đông bắc Trung Quốc.
- D. các nước Đồng minh sẽ đồng loạt tấn công vào lãnh thổ Nhật Bản.

Câu 6. Theo thỏa thuận tại Hội nghị Ianta (2/1945) quy định Anh, Pháp, Mĩ sẽ chiếm đóng

- A. miền Tây Đức, Tây Béclin và các nước Tây Âu.
- B. miền Tây Đức, Tây Béclin và các nước Trung Âu.
- C. miền Đông Đức, Đông Béclin và các nước Trung Âu.
- D. miền Đông Đức, Đông Béclin và các nước Đông Âu.

Câu 7. Theo thỏa thuận của Hội nghị Ianta (2/1945) khu vực Đông Nam Á, Nam Á, Tây Á sẽ

- A. thuộc phạm vi ảnh hưởng truyền thống của các nước phương Tây.
- B. do Mĩ chiếm đóng.
- C. do Liên Xô chiếm đóng.
- D. được độc lập.

Câu 8. Trật tự được hình thành sau chiến tranh thế giới thứ hai là

- A. hai cực Ianta.
- B. đơn cực
- C. đa cực
- D. Véc xai - Oasinhton

Câu 9. Nhiệm vụ duy trì hòa bình an ninh thế giới là của tổ chức

- A. Liên hợp quốc.
- B. Liên minh Châu Âu (EU)
- C. Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN)
- D. Diễn đàn hợp tác Á - Âu (ASEM)

Câu 10. Vai trò trọng yếu của Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc là

A. giải quyết mọi công việc hành chính của Liên hợp quốc.

B. duy trì hòa bình và an ninh thế giới.

C. giải quyết kịp thời những việc bức thiết của nhân loại.

D. phát triển mối quan hệ giữa các nước thành viên.

Câu 11. Mọi quyết định của Hội đồng Bảo an phải được sự nhất trí của 5 nước Ủy viên thường trực là

A. Liên Xô, Mĩ, Anh, Pháp, Đức.

B. Liên Xô, Trung Quốc, Mĩ, Anh, Nhật.

C. Liên Xô, Trung Quốc, Mĩ, Italia, Anh.

D. Liên Xô, Trung Quốc, Mĩ, Anh, Pháp.

Câu 12. Cơ quan đóng vai trò quan trọng nhất của tổ chức Liên hợp quốc trong việc giữ gìn hòa bình và an ninh thế giới là

A. Đại hội đồng.

B. Hội đồng Bảo an.

C. Ban Thư Ký.

D. Tòa án Quốc tế.

Câu 13. Mục đích của Liên hợp quốc là

A. bình đẳng chủ quyền giữa các quốc gia và quyền tự quyết của các dân tộc.

B. giải quyết tranh chấp quốc tế bằng biện pháp hòa bình.

C. tôn trọng toàn vẹn lãnh thổ và độc lập chính trị của tất cả các nước.

D. duy trì hoà bình và an ninh thế giới.

Câu 14. Ý nào sau đây không phải là nguyên tắc hoạt động của Liên hợp quốc?

A. Bình đẳng chủ quyền giữa các quốc gia và quyền tự quyết của các dân tộc.

B. Tôn trọng toàn vẹn lãnh thổ và độc lập chính trị của tất cả các nước.

C. Nguyên tắc nhất trí giữa năm cường quốc Liên Xô, Mĩ, Anh, Pháp, Trung Quốc.

D. Hợp tác phát triển có hiệu quả trong các lĩnh vực kinh tế, văn hóa - xã hội.

Câu 15. Vấn đề nào dưới đây không phải là vấn đề cấp bách cần giải quyết trong phe đồng minh đầu năm 1945?

A. Nhanh chóng đánh bại hoàn toàn các nước phát xít.

B. Tổ chức trật tự thế giới sau chiến tranh.

C. Phân chia thành quả chiến thắng giữa các nước thắng trận.

D. Nhanh chóng khắc phục hậu quả chiến tranh.

Câu 16. Nội dung nào dưới đây không phải là quyết định quan trọng của Hội nghị Ianta?

A. Tiêu diệt tận gốc chủ nghĩa phát xít Đức và chủ nghĩa quân phiệt Nhật.

B. Thành lập tổ chức Liên hợp quốc nhằm duy trì hoà bình và an ninh thế giới.

C. Phân chia phạm vi ảnh hưởng ở châu Âu và châu Á.

D. Thành lập các nước đồng minh chống phát xít.

Câu 17. Mục đích quan trọng nhất của tổ chức Liên hợp quốc là

A. Duy trì hoà bình và an ninh thế giới.

B. Phát triển các mối quan hệ hữu nghị giữa các nước.

C. Thực hiện quyền bình đẳng và tự quyết của các dân tộc.

D. Tiến hành hợp tác quốc tế giữa các thành viên.

Câu 18. Liên hợp quốc là

A. một diễn đàn quốc tế vừa hợp tác, vừa đấu tranh.

B. diễn đàn hợp tác toàn diện giữa các nước thành viên.

C. cơ quan quyền lực quan trọng và lớn nhất thế giới.

D. tổ chức liên kết chính trị - kinh tế lớn nhất hành tinh.

Câu 19. Ý nào sau đây phản ánh *không đúng* những quyết định của Hội nghị Ianta?

- A. Thành lập tổ chức Liên hợp quốc nhằm duy trì hòa bình an ninh thế giới.
- B. Thỏa thuận về việc chiếm đóng quân nhằm giải giáp quân đội phát xít.
- C. Tiêu diệt tận gốc phát xít Đức và quân phiệt Nhật.
- D. Không can thiệp vào công việc nội bộ của bất kì nước nào.

Câu 20. “Duy trì hoà bình và an ninh thế giới, phát triển các mối quan hệ hữu nghị giữa các dân tộc và tiến hành hợp tác quốc tế giữa các nước trên cơ sở tôn trọng nguyên tắc bình đẳng và quyền tự quyết của các dân tộc” là mục đích của tổ chức nào sau đây?

- A. Liên minh Châu Âu (EU).
- B. ASEAN.
- C. Liên hợp quốc.
- D. Hội Quốc Liên.

Câu 21. Cơ quan nào của Liên hợp quốc có sự tham gia đầy đủ của các nước thành viên, mỗi năm họp một lần?

- A. Đại hội đồng.
- B. Hội đồng bảo an.
- C. Ban thư ký.
- D. Toà án quốc tế.

Bài 2. LIÊN XÔ VÀ CÁC NƯỚC ĐÔNG ÂU (1945 - 1991).

LIÊN BANG NGA TỪ (1991 - 2000).

Câu 1. Đến nửa đầu những năm 70 của thế kỉ XX, Liên Xô là cường quốc

- A. công nghiệp đứng đầu thế giới.
- B. công nghiệp đứng thứ hai thế giới
- C. công nghiệp đứng thứ ba thế giới .
- D. công nghiệp đứng thứ tư thế giới.

Câu 2. Từ năm 1946 - 1950, Liên Xô đã đạt được thắng lợi to lớn gì trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội?

- A. Hoàn thành thắng lợi kế hoạch 5 năm khôi phục kinh tế.
- B. Phóng thành công vệ tinh nhân tạo của Trái đất.
- C. Xây dựng cơ sở vật chất - kĩ thuật của chủ nghĩa xã hội.
- D. Thành lập Liên bang cộng hòa xã hội chủ nghĩa Xô viết

Câu 3. Sự kiện nổi bật ở Liên Xô năm 1949 là

- A. phóng thành công vệ tinh nhân tạo.
- B. đập tan âm mưu thực hiện cuộc “chiến tranh lạnh” của Mĩ.
- C. thực hiện được nhiều kế hoạch dài hạn.
- D. chế tạo thành công bom nguyên tử.

Câu 4. Thành tựu nào quan trọng nhất mà Liên Xô đạt được sau chiến tranh thế giới thứ hai là

- A. chế tạo thành công bom nguyên tử.
- B. nước đầu tiên phóng thành công vệ tinh nhân tạo của trái đất.
- C. là nước đầu tiên phóng thành công tàu vũ trụ có người lái.
- D. trở thành cường quốc công nghiệp đứng thứ hai thế giới (sau Mĩ).

Câu 5. Sau chiến tranh thế giới thứ hai, Liên Xô chú trọng vào ngành kinh tế nào để đưa đất nước phát triển?

- A. Phát triển nền công nghiệp nhẹ.
- B. Phát triển nền công nghiệp truyền thống.
- C. Phát triển kinh tế công- nông- thương nghiệp.
- D. Phát triển công nghiệp nặng.

Câu 6. Sự kiện nào dưới đây thể hiện việc chinh phục vũ trụ của Liên Xô?

- A. Phóng thành công vệ tinh nhân tạo của Trái Đất.
- B. Phóng con tàu đưa người đầu tiên bay vào vũ trụ.

C. Đưa con người lên Mặt Trăng.

D. Đưa con người lên Sao Hỏa.

Câu 7. Ga-ga-rin đã làm gì trong việc thực hiện chinh phục vũ trụ?

A. Người đầu tiên bay lên Sao Hỏa.

B. Người đầu tiên thử thành công vệ tinh nhân tạo.

C. Người đầu tiên bay vào vũ trụ.

D. Người đầu tiên đặt chân lên Mặt Trăng.

Câu 8. Liên Xô khôi phục kinh tế sau Chiến tranh thế giới thứ hai trong điều kiện

A. thu được nhiều chiến phí do Đức và Nhật bồi thường.

B. chiếm được nhiều thuộc địa ở Đông Bắc Á và Đông Âu.

C. bị tổn thất nặng nề nhất trong chiến tranh thế giới thứ hai.

D. bán được nhiều vũ khí trong chiến tranh

Câu 9. Chính sách đối ngoại của Liên Xô sau chiến tranh thế giới thứ hai là

A. hòa bình, kiên quyết chống lại Mỹ.

B. hòa bình, tích cực ủng hộ cách mạng thế giới.

C. tích cực ngăn chặn vũ khí có nguy cơ hủy diệt loài người.

D. kiên quyết chống lại các chính sách gây chiến của Mỹ.

Câu 10. Chính sách đối ngoại của Liên bang Nga từ năm 1991 đến năm 2000 là ngả về phương Tây, khôi phục và phát triển quan hệ với các nước ở

A. châu Á.

B. châu Phi

C. châu Âu.

D. châu Mỹ.

Câu 11. Mục đích của Hội đồng tương trợ kinh tế (SEV) là

A. tăng cường sự hợp tác giữa các nước xã hội chủ nghĩa.

B. hỗ trợ các nước châu Âu phát triển kinh tế.

C. viện trợ cho các nước nghèo.

D. đầu tư cho việc nghiên cứu khoa học.

Câu 12. Sau khi Liên Xô tan rã, quốc gia kế tục Liên Xô là

A. Ba Lan

B. Rumani

C. Bungari

D. Liên bang Nga

Câu 13. Hiến pháp Liên bang Nga (1993) quy định thể chế chính trị của Nga là

A. Cộng hòa Dân chủ

B. Cộng hòa Liên bang.

C. Cộng hòa tư sản

D. Tổng thống Liên bang.

Câu 14. Năm 2000, V.Putin lên làm Tổng thống, tình hình kinh tế nước Nga như thế nào?

A. Phát triển nhanh.

B. Phục hồi và phát triển.

C. Phát triển thần kì.

D. Phát triển mạnh mẽ.

BÀI 3. CÁC NƯỚC ĐÔNG BẮC Á

Câu 1. Tình hình chung của khu vực Đông Bắc Á trong nửa sau thế kỉ XX là:

A. Các nước Đông Bắc Á tập trung tiến hành cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân, giành độc lập dân tộc, thống nhất đất nước.

B. Các nước ở khu vực Đông Bắc Á bắt tay xây dựng và phát triển nền kinh tế và đã đạt được những thành tựu quan trọng, bộ mặt đất nước được đổi mới.

C. Trừ Nhật Bản, các nước Đông Bắc Á khác đều nằm trong tình trạng kinh tế thấp kém, chính trị bất ổn định.

D. Trừ Nhật Bản, các nước Đông Bắc Á khác đều lựa chọn con đường đi lên Chủ nghĩa xã hội và đã đạt được những thành tựu to lớn.

Câu 2. Đối với Trung Quốc, sự ra đời của nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa (10-1949) có ý nghĩa như thế nào?

A. Đánh dấu cuộc cách mạng dân chủ nhân dân ở Trung Quốc đã hoàn thành triệt để.

B. lật đổ chế độ phong kiến, đưa Trung Quốc bước vào kỉ nguyên độc lập, tự do.

C. Đưa Trung Quốc trở thành nhà nước dân chủ nhân dân đầu tiên ở khu vực châu Á.

D. Đưa Trung Quốc bước vào kỉ nguyên độc lập, tự do, tiến lên chủ nghĩa xã hội.

Câu 3. Hiểu như thế nào về "Chủ nghĩa xã hội mang màu sắc Trung Quốc"?

A. Là một mô hình chủ nghĩa xã hội hoàn toàn mới, không dựa trên những nguyên lí chung mà chủ nghĩa Mác - Lênin đã đề ra.

B. Mô hình chủ nghĩa xã hội được xây dựng trên nền tảng thống nhất, đoàn kết giữa các đảng phái chính trị.

C. Mô hình chủ nghĩa xã hội được xây dựng trên cơ sở thành lập các công xã nhân dân - đơn vị kinh tế, đồng thời là đơn vị chính trị căn bản.

D. Là mô hình chủ nghĩa xã hội được xây dựng trên cơ sở những nguyên lí chung của chủ nghĩa Mác - Lênin và những đặc điểm lịch sử cụ thể của Trung Quốc.

Câu 4. Người đề xướng đường lối cải cách - đổi mới đất nước Trung Quốc là ai ?

A. Lưu Thiệu Kỳ B. Chu Dung Cơ C. Giang Trạch Dân D. Đặng Tiểu Bình

Câu 5. Nhận xét nào sau đây không đúng về khu vực Đông Bắc Á?

A. Là khu vực rộng, đông dân nhất thế giới và có nguồn tài nguyên phong phú.

B. Trước Chiến tranh thế giới thứ hai, Nhật Bản không bị chủ nghĩa thực dân nô dịch.

C. Hàn Quốc, Hồng Kông, Đài Loan là ba trong bốn con rồng kinh tế của châu Á.

D. Những năm đầu thế kỷ XXI, Trung Quốc trở thành nền kinh tế lớn thứ hai trên thế giới.

Câu 6. Chính sách đối ngoại của Trung Quốc trong những năm 1949-1959 là

A. liên minh chặt chẽ với Mỹ, song vẫn duy trì quan hệ với các nước xã hội chủ nghĩa.

B. thiết lập quan hệ ngoại giao với các nước xã hội chủ nghĩa và mở rộng bành trướng.

C. tích cực củng cố hòa bình, thúc đẩy sự phát triển của phong trào cách mạng thế giới.

D. đặt quan hệ ngoại giao với các nước xã hội chủ nghĩa và các nước tư bản chủ nghĩa.

Câu 7. Trọng tâm của đường lối Đổi mới ở Trung Quốc (thực hiện từ 12-1978) là

A. Lấy cải cách kinh tế làm trung tâm.

B. Lấy đổi mới chính trị làm trung tâm.

C. Đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị được tiến hành đồng thời.

D. Đổi mới chính trị là nền tảng, là khâu đột phá để đẩy mạnh đổi mới kinh tế.

Câu 8. Điểm nổi bật của nền kinh tế Trung Quốc trong thời kì đổi mới (1978 - 2000)

A. Là nền kinh tế nông - công nghiệp phát triển theo hướng tự cấp tự túc.

B. Xây dựng nền kinh tế kế hoạch hoá tập trung.

C. Xây dựng nền kinh tế thị trường tự do.

D. Xây dựng nền kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa.

Câu 9. Tình hình kinh tế Trung Quốc trong những năm 1978 - 1998 là :

- A. Nền kinh tế đã phục hồi ngang bằng so với thời kì trước "Cách mạng văn hoá".
- B. Nền kinh tế Trung Quốc tăng trưởng chậm do không giải quyết được vấn đề vốn và đổi mới khoa học công nghệ.
- C. Nền kinh tế Trung Quốc phát triển nhanh chóng, tốc độ tăng trưởng cao nhất thế giới.
- D. Kinh tế tuy phát triển mạnh, nhưng đời sống nhân dân vẫn chưa được cải thiện.

Câu 10. Sự kiện nào dưới đây đưa Trung Quốc trở thành quốc gia thứ ba trên thế giới có tàu cùng với con người bay vào vũ trụ?

- A. Từ 11-1999 đến 3-2003, Trung Quốc đã phóng 4 con tàu "Thần Châu" bay vào vũ trụ.
- B. Tháng 10-2003, Trung Quốc phóng tàu "Thần Châu 5" đưa người bay vào vũ trụ.
- C. Tháng 3-2003, Trung Quốc phóng tàu "Thần Châu 4" đưa người bay vào vũ trụ.
- D. Tháng 11-1999, Trung Quốc phóng tàu "Thần Châu 1" bay vào không gian vũ trụ.

Câu 11 . Ý nghĩa quốc tế về sự ra đời của nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa là:

- A. Kết thúc hơn 100 năm nô dịch và thống trị của đế quốc đối với nhân dân Trung Hoa.
- B. Báo hiệu sự kết thúc ách thống trị, nô dịch của chế độ phong kiến tư bản trên đất Trung Hoa.
- C. Tăng cường lực lượng của chủ nghĩa xã hội thế giới và tăng cường sức mạnh của phong trào giải phóng dân tộc.
- D. Đất nước Trung Hoa bước vào kỉ nguyên độc lập tự do, tiến lên chủ nghĩa xã hội

Câu 12. Một trong những nội dung của đường lối mới (thực hiện từ 12-1978) của Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc là

- A. lấy phát triển kinh tế, chính trị làm trọng tâm, thực hiện cải cách và mở cửa.
- B. chuyển sang nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa linh hoạt hơn.
- C. thực hiện mục tiêu biến Trung Quốc thành quốc gia giàu mạnh, dân chủ, văn minh.
- D. ra sức xây dựng bước đầu cơ sở vật chất của chủ nghĩa xã hội, phát triển giáo dục.

Câu 13. Từ sau năm 1978, nội dung nào sau đây là đường lối đối ngoại của Trung Quốc?

- A. Đã bình thường hóa về quan hệ ngoại giao với Liên Xô, Mông Cổ, Ấn Độ.
- B. Ngả về các nước phương Tây với mong muốn nhận được sự ủng hộ từ các nước này.
- C. Liên minh với Mỹ và các nước thường trực trong Hội đồng bảo an Liên hợp quốc.
- D. Tiếp tục thực hiện chính sách tích cực nhằm duy trì hòa bình, an ninh thế giới.

BÀI 4: ĐÔNG NAM Á VÀ ÁN ĐỘ

Câu 1. Trước chiến tranh thế giới thứ hai hầu hết các nước Đông Nam Á đều là thuộc địa của

- A. thực dân châu Âu.
- B. Mỹ, Nhật
- C. Anh, Pháp, Mỹ.
- C. thực dân phương Tây.

Câu 2. Trong những năm chiến tranh thế giới thứ hai các nước Đông Nam Á bị biến thành thuộc địa của

- A. Đức.
- B. Italia.
- C. Nhật Bản.
- D. Tây Ban Nha.

Câu 3. Quốc gia nào trong khu vực Đông Nam Á không phải là thuộc địa của đế quốc Âu - Mỹ?

A. Việt Nam B. Thái Lan C. Campuchia D. Lào

Câu 4. Những quốc gia Đông Nam Á tuyên bố độc lập trong năm 1945 là

- A. Ấn Độ, Việt Nam, Lào. B. Campuchia, Malesia, Brunei.
C. Ấn Độ, Singapore, Malesia. D. Miến Điện, Việt Nam, Philippin.

Câu 5. Sau chiến tranh thế giới thứ hai đến nửa đầu những năm 70, nhân dân Lào phải chiến đấu chống

- A. thực dân Pháp và đế quốc Mỹ. B. phát xít Nhật và đế quốc Mỹ.
C. thực dân Anh và thực dân Pháp. D. thực dân Anh và đế quốc Mỹ.

Câu 6. Lãnh đạo cách mạng Lào năm 1945 là

- A. Giai cấp tư sản B. Giai cấp nông dân.
C. Đảng Cộng sản Đông Dương. D. Tầng lớp trí thức.

Câu 7. Ngày 12/10/1945 diễn ra sự kiện gì ở Lào?

- A. Thực dân Pháp trở lại xâm lược Lào.
B. Quân tình nguyện Việt Nam sang giúp Lào kháng chiến chống Pháp.
C. Chính phủ Lào ra mắt quốc dân và tuyên bố độc lập.
D. Nhân dân Lào nổi dậy giành chính quyền.

Câu 8. Cách mạng Lào năm 1945 giành chính quyền từ tay đế quốc nào?

- A. Phát xít Nhật. B. Đế quốc Pháp và phong kiến tay sai.
C. Triều đình phong kiến Lào. D. Phát xít Nhật và phong kiến tay sai.

Câu 9. Những nước sáng lập ASEAN gồm

- A. Thái Lan, Ấn Độ, Philippin, Việt Nam, Lào.
B. Thái Lan, Ấn Độ, Philippin, Singapore, Lào.
C. Thái Lan, Ấn Độ, Philippin, Singapore, Malesia.
D. Thái Lan, Đông Timor, Philippin, Singapore, Malaysia.

Câu 10. Chiến lược phát triển kinh tế mà nhóm 5 nước sáng lập ASEAN đều tiến hành thời kì đầu sau khi giành độc lập là gì?

- A. Công nghiệp hóa thay thế nhập khẩu.
B. Công nghiệp hóa thay thế xuất khẩu.
C. Công nghiệp hóa lấy xuất khẩu làm chủ đạo.
D. Công nghiệp hóa lấy nhập khẩu làm chủ đạo.

Câu 11. Từ những năm 60 - 70 thế kỉ XX trở đi, nhóm 5 nước sáng lập ASEAN đã thực hiện chiến lược kinh tế nào?

- A. Công nghiệp hóa thay thế nhập khẩu.
B. Công nghiệp hóa lấy xuất khẩu làm chủ đạo.
C. Hiện đại hóa nông nghiệp, đẩy mạnh xuất khẩu nông sản.
D. Tập trung phát triển nông nghiệp.

Câu 12. Sự kiện nào đánh dấu cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của nhân dân Lào kết thúc thắng lợi?

- A. Hiệp định Giơ-ne-vơ được kí (7/1954) B. Hiệp định Viên Chăn (2/1973)
C. Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào thành lập (12/1975) D. Đảng Nhân dân Lào thành lập (3/1955)

Câu 13. Trọng tâm hợp tác của ASEAN từ những năm 90 của thế kỉ XX đến nay là

A. du lịch. B kinh tế. C. quân sự. D. giáo dục.

Câu 14. Từ 1954 đến 1970, Campuchia giữ được độc lập nhờ thi thành chính sách

A. mềm dẻo. B. hòa bình, trung lập. C. đối ngoại đa phương. D. thân Mỹ.

Câu 15. Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) ra đời trong bối cảnh

- A. khi Mỹ bắt đầu chiến tranh xâm lược Việt Nam
- B. khi Mỹ đã rút khỏi cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam
- C. sau khi các nước đã giành được độc lập.
- D. sau khi các nước đã phát triển mạnh.

Câu 16. Mục tiêu ban đầu của tổ chức ASEAN là

- A. phát triển kinh tế và văn hóa. B. phát triển kinh tế và chính trị.
- C. hợp tác về an ninh và chính trị. D. hợp tác về chính trị và văn hóa.

Câu 17. Nội dung nào không có trong nguyên tắc hoạt động của ASEAN

- A. tôn trọng chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ.
- B. không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau.
- C. không sử dụng vũ lực hoặc đe dọa bằng vũ lực.
- D. chung sống hòa bình và sự nhất trí của 5 nước lớn.

Câu 18. Trong quá trình hoạt động ASEAN luôn nhấn mạnh vấn đề gì?

- A. Kinh tế, chính trị. B. Kinh tế, văn hóa.
- C. Chính trị, văn hóa. D. An ninh, chính trị.

Câu 19. Sự khởi sắc của ASEAN được đánh dấu bằng sự kiện

- A. các nước ký hiệp ước thân thiện và hợp tác.
- B. các nước ký hiệp ước về an ninh, chính trị.
- C. các nước ký hiệp ước hữu nghị và hợp tác.
- D. các nước ký hiệp ước đối thoại và hợp tác.

Câu 20. Quan hệ giữa Việt Nam với ASEAN từ 1979 đến giữa những năm 80 của thế kỷ XX là

- A. đối thoại. B. căng thẳng. C. từng bước bình thường hóa. D. đối đầu.

Câu 21. Thành tựu lớn nhất của ASEAN trong những năm 90 của thế kỷ XX là

- A. giải quyết vấn đề Campuchia. B. mở rộng hợp tác giữa các nước.
- C. mở rộng hợp tác với các nước Á - Âu. D. mở rộng thành viên.

Câu 22. Năm 2007, các nước ASEAN đã thông qua bản Hiến chương ASEAN nhằm

- A. tăng cường hợp tác giữa các nước thành viên.
- B. xây dựng ASEAN thành một cộng đồng vững mạnh.
- C. đẩy mạnh hợp tác quốc tế.
- D. xây dựng Đông Nam Á thành khu vực hòa bình, ổn định và phát triển.

Câu 23. Nội dung cơ bản của Hiệp ước Bali (2/1976) là

- A. tuyên bố thành lập tổ chức ASEAN ở khu vực Đông Nam Á
- B. xác định những nguyên tắc trong quan hệ giữa các nước ASEAN.
- C. thông qua những nội dung cơ bản của Hiến chương ASEAN.
- D. tuyên bố quyết định thành lập cộng đồng ASEAN.

Câu 24. Một trong những nguyên tắc cơ bản trong hiệp ước Ba li (2/1976) là

- A. Không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau.

- B. Trao đổi mua bán vũ khí với nhau
- C. Hợp tác kinh tế, văn hóa khoa học - kỹ thuật
- D. Thực hiện giao thông hàng hải đường biển an toàn

Câu 25. Sau năm 1945, nhiều nước Đông Nam Á vẫn phải tiếp tục cuộc đấu tranh để giành và bảo vệ độc lập vì

- A. thực dân Pháp xâm lược trở lại.
- B. quân phiệt Nhật Bản xâm lược trở lại.
- C. Mĩ và Hà Lan xâm lược trở lại.
- D. thực dân Âu - Mĩ xâm lược trở lại.

Câu 26. Trong giai đoạn (1967 - 1975), ASEAN là một tổ chức

- A. non trẻ, hợp tác lỏng lẻo, chưa có vị thế trên trường quốc tế.
- B. có sự khởi sắc mới về kinh tế.
- C. hợp tác chặt chẽ, vị thế quốc tế được nâng cao.
- D. đẩy mạnh các cuộc gặp gỡ ngoại giao.

Câu 27. Lãnh đạo phong trào giải phóng dân tộc ở Ấn Độ sau chiến tranh thế giới thứ hai là

- A. Đảng Quốc Đại
- B. Đảng Cộng hòa.
- C. Đảng Dân chủ
- D. Đảng Cộng sản.

Câu 28. Ấn Độ là 1 trong những nước sáng lập ra

- A. Cuộc "Cách mạng xanh".
- B. Phong trào "Không liên kết" năm 1961
- C. Phong trào chống chiến tranh bảo vệ hòa bình.
- D. Phong trào đấu tranh chống chế độ phân biệt chủng tộc.

Câu 29. Theo “ Phương án Maobátton” của thực dân Anh, Ấn Độ

- A. hoàn toàn độc lập.
- B. tiếp tục bị thực dân Anh thôn tính.
- C. bị chia thành hai quốc gia.
- D. bị chia thành ba quốc gia.

Câu 30. Sau khi giành độc lập, Ấn Độ thành lập nước

- A. tư bản.
- B. dân chủ.
- C. quân chủ lập hiến.
- D. cộng hòa.

Câu 31. Từ năm 1995 Ấn Độ là nước xuất khẩu gạo

- A. đứng đầu thế giới.
- B. đứng thứ hai thế giới.
- C. đứng thứ ba thế giới.
- D. đứng thứ tư thế giới.

Câu 32. Hiện nay Ấn Độ đang cố gắng vươn lên trở thành cường quốc

- A. công nghệ thông tin.
- B. công nghệ điện nguyên tử.
- C. công nghệ ô tô.
- D. công nghệ phần mềm.

Câu 33. Chính sách đối ngoại của Ấn Độ từ 1945 - 2000 là

- A. chỉ làm bạn với các nước lớn.
- B. bành trướng, xâm lược.
- C. hòa bình, trung lập.
- D. đóng kín

Câu 34. Năm 1974, ở Ấn Độ diễn ra sự kiện gì?

- A. Thử thành công bom nguyên tử.
- B. Phóng thành công vệ tinh nhân tạo.
- C. Nhà du hành vũ trụ bay vòng quanh trái đất.
- D. Thành lập nước Cộng hòa.

Câu 35. “ Phương án Maobátton” thực dân Anh đã chia Ấn Độ thành hai quốc gia nhằm chia rẽ về

- A. Tôn giáo.
- B. Kinh tế.
- C. Địa lí.
- D. Văn hoá.

Câu 36. Từ năm 1955, cuộc đấu tranh chống Mĩ của nhân dân Lào do tổ chức Đảng nào lãnh đạo?

- A. Đảng Cộng sản Đông Dương.
- B. Đảng Cộng sản Lào.
- C. Đảng Nhân dân Lào.
- D. Liên minh Việt - Miên - Lào.

Câu 37. “Phương án Maobat ton” chia Ấn Độ thành 2 quốc gia là

- A. Ấn Độ, Pakitxtan. B. Ápganixtan, Pakitxtan.
C. Ấn Độ, Băngladét. D. Băngladét, Pakitxtan.

Câu 38. Sau năm 1945, phong trào giải phóng dân tộc bùng nổ sớm nhất ở khu vực nào?

- A. Đông Nam Á. B. Đông Bắc Á. C. Mĩ Latinh. D. Bắc Phi.

Câu 39. Mục tiêu chiến lược hướng nội của nhóm 5 nước sáng lập ASEAN, trong những năm 60 - 70 của thế kỉ XX là:

- A. Xóa bỏ nền kinh tế nghèo nàn lạc hậu, xây dựng nền kinh tế tự chủ
B. Xây dựng nền kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa
C. Chuyển nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung sang nền kinh tế thị trường.
D. Xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ và phát triển khoa học kỹ thuật.

BÀI 5: CÁC NƯỚC CHÂU PHI, MĨ LA TINH

Câu 1. Phong trào đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân ở châu Phi nổ ra trước tiên ở

- A. Bắc Phi. B. Nam Phi. C. Trung Phi. D. Tây Phi.

Câu 2. Tội ác lớn nhất của chủ nghĩa A-pac-thai ở Châu Phi là

- A. bóc lột tàn bạo người da đen.
B. gây chia rẽ nội bộ người Nam Phi
C. tước quyền tự do của người da đen.
D. phân biệt chủng tộc và kì thị chủng tộc đối với người da đen.

Câu 3. Thắng lợi của cuộc cách mạng nước nào đã làm cho hệ thống xã hội chủ nghĩa mở rộng sang Tây Bán Cầu?

- A. Trung Quốc B. Cuba C. Việt Nam D. Ai Cập.

Câu 4. Sự kiện lịch sử mở đầu cho cách mạng Cu ba?

- A. Cuộc đổ bộ của tàu “Gran - ma” lên đất Cu ba.
B. Cuộc tấn công vào trại lính Môncađa
C. Nghĩa quân Cu ban mở cuộc tấn công.
D. Nghĩa quân Cu ba chiếm lĩnh thủ đô La-ha-ba-na.

Câu 5. Năm 1993, tại Nam Phi diễn ra sự kiện gì ?

- A. Hiến pháp chính thức xóa bỏ chế độ phân biệt chủng tộc.
B. Nam Phi thoát khỏi ách thống trị của chủ nghĩa thực dân
C. Nen xonMandêla trở thành tổng thống người da đen đầu tiên
D. Nhân dân Nam Phi đấu tranh chống chế độ phân biệt chủng tộc (Apacthai)

Câu 6. Thế kỉ XVI - XVII, đa số các nước Mĩ la tinh lần lượt biến thành thuộc địa của

- A. Anh, Pháp. B. Pháp, Hà Lan
C. Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha. D. Hà Lan, Anh

Câu 7. Cao trào đấu tranh vũ trang bùng nổ mạnh mẽ ở Mĩ La tinh, biến châu lục này thành

- A. “Lục địa bùng cháy” B. “Đại lục bùng cháy”.
C. “Đại lục mới trời dậy”. D. “Lục địa mới trời dậy”.

Câu 8. Chủ nghĩa Apácthai bị xóa bỏ tại:

- A. Trung Đông B. Các nước Mĩ la tinh
C. Nam Phi D. Các nước Tây Phi.

Câu 9. Sự kiện nào dưới đây gắn với tên tuổi của Nen-xon Man-đê-la?

- A. Chiến sĩ nổi tiếng chống ách thống trị của bọn thực dân
- B. Lãnh tụ của phong trào giải phóng dân tộc An- giê - ri.
- C. Lãnh tụ của phong trào giải phóng dân tộc ở Ăng - gô - la.
- D. Lãnh tụ của phong trào đấu tranh chống chế độ phân biệt chủng tộc ở Nam Phi.

Câu 10. Sự kiện nào đánh dấu việc chấm dứt chế độ phân biệt chủng tộc ở Nam Phi?

- A. Thực dân Anh rút khỏi Nam Phi.
- B. Nen-xon Man-đê-la trở thành Tổng thống người da đen đầu tiên.
- C. Nen-xon Man-đê-la được trả tự do.
- D. Nhân dân Nam phi nổi dậy khởi nghĩa vũ trang.

Câu 11. Đặc điểm nổi bật của phong trào đấu tranh giành và bảo vệ độc lập của nhân dân Mỹ Latinh sau chiến tranh thế giới thứ hai là

- A. chống lại chế độ độc tài thân Mỹ, thoát khỏi “sân sau” của Mỹ.
- B. chống lại chế độ độc tài Batixa.
- C. chống lại chế độ thực dân Tây Ban Nha.
- D. chống lại chế độ thực dân Bồ Đào Nha.

Câu 12. Hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa thực dân cũ ở châu Phi cơ bản bị tan rã được đánh dấu bằng sự kiện nào?

- A. Thắng lợi ở Angiêri.
- B. Thắng lợi ở Ănggôla và Môđambích.
- C. Thắng lợi ở Namibia.
- D. Thắng lợi ở Nam Phi.

Câu 13. Năm 1960 đã đi vào lịch sử với tên gọi là “Năm Châu Phi” vì sao?

- A. Có nhiều nước Châu Phi được trao trả độc lập
- B. Châu Phi là nơi diễn ra phong trào giải phóng dân tộc phát triển sớm.
- C. Có 17 nước Châu Phi tuyên bố độc lập.
- D. Châu Phi là “lục địa mới trời dậy”

Câu 14. Từ những năm 60 đến những năm 80 của thế kỷ XX, phong trào đấu tranh của nhân dân các nước Mỹ Latinh diễn ra dưới hình thức nào?

- A. Bãi công của công nhân.
- B. Đấu tranh chính trị
- C. Đấu tranh vũ trang
- D. Mít tinh, biểu tình

Câu 15. Trước khi lệ thuộc vào Mỹ, các nước Mỹ Latinh là thuộc địa của

- A. Anh, Pháp.
- B. Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha.
- C. Tây Ban Nha, Anh.
- D. Hà Lan, Pháp.

Câu 16. Thủ đoạn của Mỹ ở khu vực Mỹ Latinh là

- A. Xây dựng các căn cứ quân sự khắp các nước Mỹ Latinh.
- B. Thực hiện viện trợ cho các nước Mỹ Latinh.
- C. Xây dựng chế độ tự trị ở các nước Mỹ la tinh.
- D. Xây dựng chế độ độc tài thân Mỹ.

Câu 17. Phong trào đấu tranh ở các nước Mỹ Latinh sau chiến tranh thế giới thứ hai được mệnh danh là

- A. Lục địa bùng cháy.
- B. Chàng khổng lồ thức dậy sau một giấc ngủ dài.
- C. Lục địa mới trời dậy.
- D. Sân sau của Mỹ.

Câu 18. Những quốc gia giành được độc lập dân tộc sớm nhất ở châu Phi là

A. Nam Phi B. Bắc Phi C. Trung Phi D. Trung Phi và Nam Phi

Câu 19. Cách mạng Cuba thành công (1-1-1959) đã mở đầu và cổ vũ

- A. phong trào đấu tranh vũ trang ở Mĩ Latinh.
- B. phong trào đấu tranh chính trị ở Mĩ Latinh.
- C. phong trào đấu tranh nghị trường ở Mĩ Latinh.
- D. tinh thần đấu tranh đòi ruộng đất của nông dân.

Câu 20. Ý nào sau đây **không** đúng khi nói về phong trào đấu tranh giành độc lập ở châu Phi?

- A. Từ những năm 50 của thế kỉ XX, phong trào đấu tranh phát triển mạnh mẽ.
- B. Nhân dân Môdămbich và Ănggôla đấu tranh chống thực dân Bồ Đào Nha.
- C. Tháng 4-1994, cuộc bầu cử dân chủ giữa các chủng tộc diễn ra ở Nam Phi.
- D. Nhân dân Nam Phi đấu tranh chống lại sự cai trị của chế độ thực dân cũ.

BÀI 6: NƯỚC MĨ

Câu 1. Trong 20 năm đầu sau chiến tranh thế giới thứ hai, Mĩ trở thành

- A. nước có nền công nghiệp phát triển nhất thế giới.
- B. trung tâm kinh tế - tài chính số một thế giới
- C. trung tâm khoa học - kĩ thuật lớn nhất thế giới
- D. nơi tập trung nhiều tập đoàn công nghiệp, quân sự

Câu 2. Nguyên nhân cơ bản nhất thúc đẩy nền kinh tế Mĩ phát triển nhanh chóng sau Chiến tranh thế giới thứ hai là

- A. áp dụng các thành tựu của cách mạng khoa học - kĩ thuật.
- B. Mĩ giàu lên nhờ buôn bán vũ khí cho các nước tham chiến.
- C. tài nguyên thiên nhiên phong phú.
- D. tập trung sản xuất và tư bản cao.

Câu 3. Điều **không phải** là nguyên nhân thúc đẩy nền kinh tế Mĩ sau chiến tranh thế giới thứ hai?

- A. Tận dụng nguồn viện trợ từ bên ngoài.
- B. Lãnh thổ rộng lớn, tài nguyên thiên nhiên phong phú.
- C. Các tổ hợp công nghiệp, các công ti có sức sản xuất cạnh tranh cao.
- D. Lợi dụng chiến tranh để làm giàu.

Câu 4. Đặc điểm nổi bật nhất của nền kinh tế Mĩ sau chiến tranh thế giới thứ hai là

- A. phát triển nhanh nhưng không ổn định, gắn liền với những đợt suy thoái ngắn.
- B. bị các nước tư bản Tây Âu và Nhật Bản cạnh tranh ngày càng quyết liệt hơn.
- C. vị trí kinh tế của Mĩ ngày càng giảm sút nhanh chóng trên phạm vi toàn thế giới
- D. sự chênh lệch giữa những người giàu có và những người nghèo ngày càng lớn.

Câu 5. Nguyên nhân nào **không** tạo điều kiện cho nền kinh tế Mĩ phát triển. sau chiến tranh thế giới thứ hai?

- A. Không bị chiến tranh tàn phá.
- B. Sản xuất và buôn bán vũ khí cho các nước tham chiến.
- C. Tập trung sản xuất và tư bản cao.
- D. Tiến hành chiến tranh xâm lược và nô dịch các nước

Câu 6. Nước khởi đầu cuộc cách mạng khoa học - kĩ thuật lần thứ hai là

- A. Anh.
- B. Pháp.
- C. Mĩ.
- D. Nhật.

Câu 7. Nội dung “Chiến lược toàn cầu” của Mĩ nhằm mục tiêu cơ bản nào?

- A. Ngăn chặn, đẩy lùi rồi tiến tới tiêu diệt các nước xã hội chủ nghĩa.
- B. Duy trì hòa bình, an ninh thế giới.

- C. Duy trì hòa bình, an ninh khu vực.
- D. Ủng hộ phong trào cách mạng thế giới.

Câu 8. Nội dung nào sau đây **không phải** là mục tiêu “Chiến lược toàn cầu” của Mĩ?

- A. Đàn áp phong trào giải phóng dân tộc .
- B. Ngăn chặn, đẩy lùi rồi tiến tới tiêu diệt các nước xã hội chủ nghĩa.
- C. Đảm bảo an ninh của Mĩ với lực lượng quân sự mạnh, sẵn sàng chiến đấu.
- D. Khống chế, nô dịch các nước đồng minh Mĩ.

Câu 9. Khối quân sự Bắc Đại Tây Dương (NATO) do Mĩ lập ra 04/1949 nhằm

- A. Chống lại Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu.
- B. Chống lại phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới.
- C. Chống lại Liên Xô, Trung Quốc và Việt Nam.
- D. Chống lại các nước xã hội chủ nghĩa và phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới.

Câu 10. Mục tiêu nào sau đây **không** thuộc chiến lược toàn cầu của Mĩ?

- A. Ngăn chặn và tiến tới xóa bỏ chủ nghĩa xã hội.
- B. Giúp đỡ các nước đồng minh phát triển kinh tế.
- C. Đàn áp các phong trào cách mạng trên thế giới.
- D. Khống chế, chi phối các nước đồng minh của Mĩ.

Câu 11. Kế hoạch Macsan của Mĩ nhằm

- A. tăng cường ảnh hưởng và sự khống chế của Mĩ đối với các nước Đông Âu.
- B. biến các nước Tây Âu thành thị trường tiêu thụ hàng hóa của Mĩ.
- C. giúp các nước Tây Âu phục hồi kinh tế sau chiến tranh
- D. tăng cường ảnh hưởng và sự khống chế của Mĩ đối với các nước Nam Âu.

Câu 12. Mục tiêu chủ yếu trong “Chiến lược toàn cầu” của Mĩ là

- A. Tham vọng làm bá chủ thế giới.
- B. Đàn áp phong trào cách mạng thế giới.
- C. Ngăn chặn, tiến tới tiêu diệt các nước xã hội chủ nghĩa.
- D. Khống chế các nước tư bản đồng minh phụ thuộc vào Mĩ.

Câu 13. Lợi thế cơ bản mà cuộc Chiến tranh thế giới thứ hai đã đem lại cho nước Mĩ là

- A. Mĩ không bị chiến tranh tàn phá.
- B. Mĩ thu được nhiều lợi nhuận từ buôn bán vũ khí.
- C. Các nước tư bản châu Âu trở thành con nợ của Mĩ.
- D. Liên Xô - đối thủ của Mĩ bị chiến tranh tàn phá nặng nề.

Câu 14. Nền kinh tế Mĩ bị suy thoái nghiêm trọng trong thập kỉ 70 của thế kỉ XX, là vì

- A. Mĩ đã tham gia nhiều cuộc chiến tranh trên thế giới.
- B. tác động của cuộc khủng hoảng năng lượng thế giới.
- C. các nước đồng minh không có khả năng trả nợ cho Mĩ.
- D. các nước Mĩ Latinh giành độc lập, Mĩ mất thị trường tiêu thụ.

Câu 15. Khó khăn cơ bản của kinh tế Mĩ trong thập niên 80 của thế kỉ XX là do

- A. phong trào công nhân phát triển mạnh.
- B. các ngành công nghiệp then chốt suy thoái.
- C. sự cạnh tranh ráo riết của Tây Âu, Nhật Bản.

D. thất bại trong chiến tranh xâm lược Việt Nam.

Câu 16. Mục tiêu cơ bản của Mĩ trong chiến lược “Cam kết và mở rộng” là

A. Ngăn chặn và tiến tới xóa bỏ xã hội chủ nghĩa.

B. Khống chế các nước đồng minh phụ thuộc Mĩ.

C. Bảo đảm an ninh của Mĩ với lực lượng quân sự mạnh, sẵn sàng chiến đấu.

D. Đàn áp phong trào giải phóng dân tộc và cộng sản quốc tế.

BÀI 7: TÂY ÂU

Câu 1. Sau chiến tranh thế giới thứ hai (1945 - 1950), kinh tế Tây Âu

A. phát triển mạnh mẽ B. bị chiến tranh tàn phá nặng nề

C. phát triển thần kì D. Suy thoái.

Câu 2. Sau năm 1945 Tây Âu nhanh chóng khôi phục kinh tế vì

A. Hợp tác chặt chẽ với Mĩ

B. Hợp tác chặt chẽ với Liên Xô

C. Dựa vào viện trợ của Mĩ thông qua kế hoạch Macsan

D. Gia nhập Hội đồng tương trợ kinh tế SEV

Câu 3. Để nhận được viện trợ của Mĩ các nước Tây Âu phải:

A. Liên kết lại với nhau.

B. Đàn áp phong trào đấu tranh của công nhân, nhân dân lao động.

C. Tuân theo những điều kiện do Mĩ đặt ra.

D. Sử dụng viện trợ của Mĩ vào việc phát triển kinh tế.

Câu 4. Điểm nổi bật trong chính sách đối ngoại của các nước Tây Âu sau chiến tranh thế giới thứ hai là

A. thiết lập mối quan hệ ngoại giao với các nước xã hội chủ nghĩa.

B. ủng hộ phong trào đấu tranh vì hòa bình trên thế giới.

C. ngoại giao mềm mỏng, tập trung vào phát triển kinh tế.

D. tiến hành các cuộc chiến tranh tái chiếm thuộc địa.

Câu 5. Trong bối cảnh "Chiến tranh lạnh" gay gắt giữa hai phe, các nước Tây Âu đã

A. Tham gia khối quân sự NATO do Mĩ lập ra.

B. Thực hiện chính sách tập trung, không chạy đua vũ trang.

C. Đấu tranh đòi Mĩ phải giải trừ quân bị.

D. Thành lập khối liên minh quân sự riêng chống lại Mĩ và các nước khác.

Câu 6. Từ 1945 đến 1950 các nước Tây Âu thực hiện chính sách đối ngoại như thế nào?

A. Không liên minh với nước nào.

B. Liên minh chặt chẽ với Mĩ.

C. Chỉ liên minh trong nội bộ các nước Tây Âu.

D. Mở rộng quan hệ theo hướng đa phương.

Câu 7. Đến cuối thập kỷ 90 của thế kỷ XX, EU trở thành tổ chức liên kết lớn nhất hành tinh về

A. quân sự - chính trị.

B. chính trị - kinh tế.

C. văn hóa - khoa học kỹ thuật.

D. quân sự - kinh tế.

Câu 8. Tác động của chiến tranh thế giới thứ hai đến các nước Tây Âu là

A. Chịu nhiều hậu quả nặng nề.

B. Không thiệt hại gì.

C. Kinh tế phát triển nhanh.

D. Kinh tế ổn định.

Câu 9. Từ năm 1973 - 1993 kinh tế nước Tây Âu

A. suy thoái, khủng hoảng, không ổn định. B. ổn định, phát triển.

C. tăng trưởng nhanh.

D. ổn định.

Câu 10. Quá trình liên kết khu vực ở Tây Âu diễn ra mạnh mẽ vì:

A. Tây Âu muốn thoát khỏi sự khống chế của Mỹ.

B. Tây Âu chịu sự cạnh tranh, quyết liệt của Liên Xô và các nước Đông Âu.

C. Tây Âu bị sự cạnh tranh quyết liệt của Mỹ và Nhật Bản.

D. Các nước Tây Âu có cùng một hình thái kinh tế chính trị.

Câu 11. Sự kiện mở đầu đánh dấu sự liên kết kinh tế giữa các nước Tây Âu là:

A. Sự thành lập "cộng đồng kinh tế Châu Âu".

B. Sự thành lập "cộng đồng than - thép Châu Âu".

C. Sự thành lập "cộng đồng năng lượng nguyên tử Châu Âu".

D. Sự thành lập "cộng đồng Châu Âu".

Câu 12. Nguyên nhân cơ bản nhất thúc đẩy sự phát triển kinh tế của Tây Âu từ 1950 - 1973 là

A. áp dụng thành tựu của cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật.

B. sự điều hành có hiệu quả của nhà nước.

C. thu hút đầu tư nước ngoài.

D. nhận viện trợ của Mỹ.

Câu 13. Từ 1991 - 2000 trong chính sách đối ngoại của Tây Âu có sự điều chỉnh như thế nào?

A. Liên minh chặt chẽ với Mỹ.

B. Mở rộng quan hệ với các nước trên thế giới.

C. Chỉ quan hệ với các nước phát triển.

D. Chỉ quan hệ với các nước Nhật Bản.

Câu 14. Liên minh Châu Âu EU thành lập từ sự hợp nhất các tổ chức

A. Cộng đồng nguyên tử Châu Âu, cộng đồng kinh tế, cộng đồng văn hóa Châu Âu.

B. Cộng đồng than thép Châu Âu, cộng đồng kinh tế, cộng đồng văn hóa Châu Âu.

C. Cộng đồng than thép, cộng đồng nguyên tử Châu Âu, cộng đồng kinh tế Châu Âu.

D. Cộng đồng than thép, cộng đồng nguyên tử Châu Âu, cộng đồng văn hóa Châu Âu.

Câu 15. Chính sách đối ngoại của Tây Âu từ 1945 - 1950 là

A. quan hệ với các nước Đông Nam Á.

B. quan hệ với các nước Đông Bắc Á.

C. liên minh chặt chẽ với Mỹ.

D. liên minh chặt chẽ với Nhật Bản.

BÀI 7. NHẬT BẢN

Câu 1. Đến khoảng năm 1950-1951, nền kinh tế Nhật Bản đã khôi phục và đạt mức trước chiến tranh do

A. thực hiện chiến tranh xâm lược Việt Nam và Triều Tiên.

B. sự nỗ lực của bản thân và viện trợ của Mỹ.

C. thực hiện thành công ba cuộc cải cách lớn.

D. là nước thắng trận trong Chiến tranh thế giới thứ hai.

Câu 2. Từ năm 1945 đến năm 1951, chủ trương trong chính sách đối ngoại của Nhật Bản là

A. tranh thủ sự viện trợ từ Tây Âu.

B. liên minh chặt chẽ với Mỹ.

C. cải thiện quan hệ với Liên Xô.

D. hướng về các nước châu Á.

Câu 3. Hiệp ước an ninh Mỹ-Nhật được kí kết (1951) **không** có nội dung nào sau đây?

- A. Chấp nhận đứng trước “chiếc ô” hạt nhân của Mỹ.
- B. Cho Mỹ đóng quân trên lãnh thổ của Nhật Bản.
- C. Chấm dứt chế độ chiếm đóng của Đồng minh.
- D. Cho Mỹ xây dựng căn cứ trên lãnh thổ Nhật Bản.

Câu 4. Giai đoạn phát triển “thần kì” của nền kinh tế Nhật Bản là

- A. từ năm 1945 đến năm 1952.
- B. từ năm 1960 đến năm 1973.
- C. từ năm 1952 đến năm 1960.
- D. từ năm 1973 đến năm 1991.

Câu 5. Ý nào sau đây thể hiện Nhật Bản rất coi trọng giáo dục và khoa học-kỹ thuật?

- A. Tự lực tự cường phát minh các ứng dụng khoa học-kỹ thuật.
- B. Nhờ sự viện trợ từ Mỹ và các nước Tây Âu về khoa học.
- C. Chú trọng phát triển giáo dục dựa trên sự giúp đỡ các nước.
- D. Mua các bằng phát minh sáng chế từ nước ngoài.

Câu 6. Từ năm 1952 đến năm 1973, về mặt khoa học- kỹ thuật và công nghệ, Nhật Bản tập trung chủ yếu vào lĩnh vực nào sau đây?

- A. Sản xuất hàng tiêu dùng xuất khẩu.
- B. Sản xuất các mặt hàng công nghệ cao.
- C. Sản xuất ứng dụng dân dụng.
- D. Sản xuất các mặt hàng nông sản.

Câu 7. Nhân tố hàng đầu dẫn tới sự phát triển của nền kinh tế Nhật Bản trong những năm 1952-1973

- A. chi phí cho quốc phòng thấp (không vượt quá 1% GDP).
- B. tận dụng triệt để các yếu tố thuận lợi từ bên ngoài để phát triển.
- C. con người được coi là vốn quý nhất, là chìa khóa của sự phát triển.
- D. áp dụng những thành tựu khoa học-kỹ thuật để nâng cao năng suất.

Câu 8. Điều **không** phải là một trong những khó khăn đối với nền kinh tế Nhật Bản từ năm 1952 năm 1973?

- A. Lãnh thổ không rộng, tài nguyên khoáng sản nghèo nàn, chủ yếu nhập khẩu.
- B. Cơ cấu vùng kinh tế của Nhật Bản thiếu cân đối, tập trung ở ba trung tâm lớn.
- C. Giữa công nghiệp và thương nghiệp có sự mất cân đối, phân bố rải rác khắp nơi.
- D. Luôn gặp sự cạnh tranh quyết liệt từ Mỹ, các nước Tây Âu, NICs, Trung Quốc.

Câu 9. Nền tảng chính sách đối ngoại của Nhật Bản từ năm 1951 đến năm 2000 là

- A. liên minh chặt chẽ với Mỹ.
- B. hướng về các nước Đông Bắc Á.
- C. hướng mạnh về Đông Nam Á.
- D. cải thiện quan hệ với Liên Xô.

Câu 10. Từ năm 1973 đến năm 1991, điểm mới trong chính sách đối ngoại của Nhật Bản là

- A. chỉ coi trọng quan hệ với các nước Tây Âu và Trung Quốc.
- B. tăng cường quan hệ với các nước Đông Nam Á, tổ chức ASEAN.
- C. không còn chú trọng hợp tác với Mỹ và các nước Tây Âu.
- D. chú trọng phát triển quan hệ với các nước khu vực Đông Bắc Á.

Câu 11. Từ năm 1973 đến năm 1991, nền kinh tế Nhật Bản phát triển xen kẽ những giai đoạn suy thoái ngắn, chủ yếu do

- A. thị trường tiêu thụ hàng hóa suy giảm đáng kể.
- B. sự cạnh tranh quyết liệt từ Trung Quốc và Ấn Độ.
- C. tác động của cuộc khủng hoảng năng lượng thế giới.

D. sự cạnh tranh mạnh mẽ của Mỹ và các nước Tây Âu.

Câu 12. Một trong những dấu hiệu chứng tỏ Nhật Bản là siêu cường tài chính số 1 thế giới trong nửa sau những năm 80 là:

- A. Dự trữ vàng và ngoại tệ gấp 2 lần Mỹ, gấp 1,5 lần CHLB Đức, là chủ nợ của thế giới.
- B. Là chủ nợ của thế giới, dự trữ vàng và ngoại tệ gấp 2,5 lần CHLB Đức, gấp 3 lần của Mỹ.
- C. Dự trữ vàng và ngoại tệ gấp 3 lần của Mỹ, gấp 1,5 lần CHLB Đức, là chủ nợ lớn nhất thế giới.
- D. Là chủ nợ lớn nhất thế giới, dự trữ vàng và ngoại tệ gấp 1,5 lần CHDC Đức, gấp 3 lần của Mỹ.

Câu 13. Từ năm 1991 đến năm 2000, nội dung nào sau đây **không** phải là chính sách đối ngoại của Nhật Bản?

- A. Tiếp tục sự duy trì liên minh chặt chẽ với Mỹ.
- B. Chú trọng phát triển quan hệ với Đông Nam Á.
- C. Đẩy mạnh hợp tác quan hệ với Trung Quốc.
- D. Coi trọng quan hệ với các nước Tây Âu.

Câu 14. Nét chung nhất làm cho nền kinh tế của Mỹ, Tây Âu và Nhật Bản phát triển nhanh chóng sau Chiến tranh thế giới thứ hai là

- A. áp dụng những thành tựu của cuộc cách mạng khoa học-kỹ thuật hiện đại.
- B. Nhà nước có vai trò rất lớn trong việc quản lý, điều tiết, thúc đẩy nền kinh tế.
- C. các công ty, tập đoàn lớn có sức sản xuất mạnh mẽ, tầm nhìn xa, quản lý tốt.
- D. coi trọng yếu tố con người trong phát triển, là lực lượng nòng cốt hàng đầu.

Câu 15. Nền tảng trong chính sách đối ngoại của Nhật Bản sau Chiến tranh thế giới thứ hai đến nay là

- A. luôn liên minh chặt chẽ với Mỹ.
- B. thực hiện chiến lược toàn cầu.
- C. tăng cường quan hệ với các nước Đông Nam Á và ASEAN.
- D. coi trọng quan hệ với Tây Âu.

Câu 16. Trong thời gian chiếm đóng tại Nhật Bản, về kinh tế, Bộ Chỉ huy tối cao lực lượng Đồng minh đã làm gì ?

- A. Thực hiện nhiều cải cách dân chủ.
- B. Thủ tiêu chủ nghĩa quân phiệt và một phần bộ máy chiến tranh của Nhật Bản.
- C. Bồi thường chiến phí cho các nước đã từng bị phát xít Nhật chiếm đóng.
- D. Thực hiện dân chủ hoá nước Nhật, tuy vậy họ vẫn dung túng cho các thế lực quân phiệt Nhật Bản hoạt động.

Câu 17. Từ nửa sau những năm 80 của thế kỷ XX, Nhật Bản đã vươn lên thành siêu cường số một thế giới về

- A. tài chính.
- B. chính trị.
- C. quân sự.
- D. kinh tế.

Câu 18. Từ nửa sau những năm 70, chính sách đối ngoại của Nhật Bản có điểm gì mới ?

- A. Tăng cường mối quan hệ hợp tác Nhật Bản - Liên Xô trên mọi lĩnh vực.
- B. Tăng cường mối quan hệ hợp tác Nhật Bản - Ấn Độ trên mọi lĩnh vực.
- C. Tăng cường mối quan hệ hợp tác Nhật Bản - Đông Nam Á, tổ chức ASEAN trên mọi lĩnh vực.
- D. Tăng cường mối quan hệ hợp tác Nhật Bản - Trung Quốc trên mọi lĩnh vực.

BÀI 9: QUAN HỆ QUỐC TẾ TRONG VÀ SAU THỜI KÌ CHIẾN TRANH LẠNH

B. Trật tự hai cực lanta

C. Trật tự đa cực của các nước lớn D. Trật tự một cực do Mỹ đứng đầu

Câu 2. Sau CTTGII, hai cường quốc Xô – Mĩ giữ mối quan hệ như thế nào?

A. Đồi đầu – chiến tranh lạnh.

B. Hợp tác - ủng hộ hòa bình.

C. Đồi đầu – chiến tranh quân sự.

D. Hợp tác – đấu tranh chống phát xít.

Câu 3. Sự kiện nào dưới đây được xem là sự kiện khởi đầu cuộc “Chiến tranh lạnh”?

A. Đạo luật viện trợ nước ngoài của Quốc hội Mỹ.

B. Thông điệp của Tổng thống Mỹ Truman.

C. Diễn văn của ngoại trưởng Mỹ Macsan.

D. Chiên lược toàn cầu của Tổng thống Mỹ Rudoven.

Câu 4. Cuộc gặp gỡ không chính thức tại đảo Manta hai nhà lãnh đạo M.Goócbachốp và G.Busơ đã

A. kí Hiệp ước về việc hạn chế hệ thống phòng chống tên lửa.

B. kí Hiệp định về những cơ sở quan hệ Đông Đức và Tây Đức.

C. kí Hiệp định hạn chế vũ khí tiến công chiến lược.

D. tuyên bố chấm dứt chiến tranh lạnh.

Câu 5. Định ước Henxki năm 1975 được kí giữa 33 nước châu Âu và Mỹ, Canada nhằm mục đích gì?

A. Tăng cường hợp tác giữa các nước về giáo dục, y tế.

B. Trao đổi thành tựu khoa học - kĩ thuật.

C. Tạo cơ chế giải quyết vấn đề an ninh hòa bình ở châu Âu.

D. Giải quyết vấn đề ở Campuchia.

Câu 6. Sự kiện nào đánh dấu cuộc chiến tranh lạnh kết thúc?

A. Hiệp ước hạn chế hệ thống phòng chống tên lửa (1972)

B. Hiệp ước thủ tiêu tên lửa tầm trung ở châu Âu (1987)

C. Hiệp ước hạn chế vũ khí tiến công chiến lược (1974)

D. Goócbachóp gáp Busơ tại Manta (1989)

Câu 7. Nguồn gốc mâu thuẫn Đông - Tây là

A. đối lập giữa nền văn hóa hai cường quốc Liên Xô và Mỹ.

B. đối lập về mục tiêu chiến lược và sức mạnh quân sự giữa Liên Xô và Mĩ.

C. đối lập về mục tiêu và chiến lược giữa hai cường quốc Liên Xô và Mĩ.

D. đối lập về sức mạnh quân sự và văn hóa hai cường quốc Liên Xô và Mĩ.

Câu 8. Sự kiện khởi đầu chính sách chống Liên Xô gây lên tình trạng Chiến tranh lạnh của Mỹ là

A. Mĩ đề ra kế hoạch Mácsan

B. Cộng hòa Liên bang Đức được kết nạp vào khối NATO

C. Bản thông điệp của Tổng Mĩ Truman gửi tới Quốc hội

D. Cộng hòa Liên bang Đức gia nhập NATO và tổ chức VASAVA được kí kết.

Câu 9. Cuộc tấn công khủng bố bất ngờ vào nước Mỹ ngày 11/9/2001 để lại hậu quả gì?

A. Trung tâm thương mại thế giới sụp đổ thiệt hại rất lớn về người và của.

B. Thủ đô Mỹ sụp đổ hoàn toàn, nhiều của cải vật chất bị phá hủy.

C. Trụ sở Liên Hợp Quốc bị phá hủy.

D. Thủ đô nước Anh bị sụp đổ.

Câu 10. Nguyên nhân khiến Mỹ và Liên Xô chấm dứt chiến tranh lạnh là

- A. cuộc chạy đua vũ trang kéo dài làm suy giảm thể mạnh của họ trên thế giới.
- B. sự đối đầu giữa hai nước trong hơn bốn thập kỉ vẫn không phân thắng bại.
- C. thế giới xuất hiện xu thế hòa hoãn, hai bên nên dừng lại.
- D. để mở ra chiều hướng, điều kiện giải quyết các tranh chấp và xung đột quốc tế.

Câu 11. Sự kiện đánh dấu sự khởi đầu Chiến tranh lạnh, xác lập hai cực, hai phe của Mĩ và Liên Xô là

- A. sự ra đời kế hoạch Mácsan; Hội đồng tương trợ kinh tế SEV.
- B. sự ra đời học thuyết Toruman, Hội đồng tương trợ kinh tế SEV.
- C. sự ra đời của khối NATO; Hiệp ước Vácsava
- D. Sự ra đời của khối NATO; Hội đồng tương trợ kinh tế SEV

Câu 12. Chiến tranh lạnh chấm dứt, các quốc gia đều điều chỉnh chiến lược

- A. củng cố an ninh quốc phòng.
- B. tập trung phát triển kinh tế.
- C. tập trung phát triển văn hóa.
- D. xây dựng sức mạnh quân sự

Câu 13. Thông điệp của Tổng thống Truman (12/3/1947) khẳng định

- A. sự tồn tại của Liên Xô là nguy cơ đối với nước Mĩ.
- B. Mĩ và Liên Xô không bao giờ có chung mục tiêu chiến lược.
- C. sự tồn tại của Liên Xô ảnh hưởng đến tình hình kinh tế, quân sự Mĩ.
- D. Mĩ và Liên Xô phải đi đến kết thúc chiến tranh lạnh.

Câu 14. Liên minh quân sự lớn nhất do Mĩ đứng đầu chống lại Liên Xô và các nước Đông Âu là

- A. ANZUS.
- B. CENTO.
- C. SEATO.
- D. NATO.

BÀI 10: CÁCH MẠNG KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ XU THẾ TOÀN CẦU HÓA

Câu 1. Cuộc cách mạng khoa học - kĩ thuật hiện đại được khởi đầu từ

- A. nước Mĩ.
- B. Nhật Bản.
- C. nước Anh.
- D. Liên Xô.

Câu 2. Từ những năm 70 (thế kỉ XX) đến nay, cuộc cách mạng khoa học - kĩ thuật diễn ra chủ yếu về

- A. lĩnh vực kinh tế.
- B. lĩnh vực khoa học.
- C. lĩnh vực kĩ thuật.
- D. lĩnh vực công nghệ.

Câu 3. Đặc điểm lớn nhất của cuộc cách mạng khoa học - kĩ thuật ngày nay là

- A. khoa học trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp.
- B. khoa học gắn liền với kĩ thuật.
- C. mọi phát minh khoa học đều bắt nguồn từ sản xuất.
- D. kĩ thuật đi trước mở đường cho sản xuất.

Câu 4. Xu thế toàn cầu hóa là hệ quả của

- A. Sự phát triển của quan hệ thương mại quốc tế.
- B. Cuộc cách mạng khoa học - công nghệ.
- C. Sự ra đời các công ty xuyên quốc gia.
- D. Quá trình thống nhất thị trường thế giới.

Câu 5. Toàn cầu hóa là

- A. sự bùng nổ tức thời của nền kinh tế thế giới.
- B. sự phát triển nhanh chóng của thương mại quốc tế.
- C. xu thế chủ quan của các cường quốc kinh tế hàng đầu thế giới.
- D. xu thế khách quan, là một thực tế không thể đảo ngược.

Câu 6. Ý nào sau đây **không phải** là biểu hiện của xu thế toàn cầu hóa?

- A. sự ra đời các tổ chức chính trị, quân sự khu vực.
- B. sự phát triển mạnh mẽ của quan hệ thương mại, quốc tế.
- C. sự sáp nhập, hợp nhất của các công ty vừa và nhỏ thành những tập đoàn lớn.
- D. sự của các tổ chức liên kết kinh tế, tương mại, tài chính quốc tế và khu vực.

Câu 7. Quá trình tăng lên mạnh mẽ những mối liên hệ, những ảnh hưởng, tác động, phụ thuộc lẫn nhau của tất cả các khu vực, các quốc gia, dân tộc trên thế giới được gọi là

- A. quá trình công nghiệp hóa
- B. quá trình toàn cầu hóa
- C. quá trình hiện đại hóa
- D. quá trình tư bản hóa

Câu 8. Định ước Henxinki (8/1975) đã tạo nên cơ chế giải quyết các vấn đề liên quan đến hòa bình, an ninh ở

- A. Châu Á.
- B. Châu Âu
- C. Châu Phi
- D. Châu Âu và châu Á.

Câu 9. Hiệp ước về việc hạn chế hệ thống phòng chống tên lửa (ABM) và hiệp định hạn chế vũ khí tiến công chiến lược (SALT -1) được ký giữa những quốc gia nào ?

- A. Liên Xô và Nhật .
- B. Liên Xô và Anh
- C. Liên Xô và Mỹ
- D. Mỹ và Nhật.

Câu 10. Trật tự 2 cực Ianta sụp đổ vì

- A. Mỹ và Liên Xô chấm dứt chiến tranh lạnh.
- B. Liên Xô sụp đổ, chế độ xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu tan rã.
- C. ảnh hưởng của Mỹ và Liên Xô bị thu hẹp
- D. sự cạnh tranh của Nhật và Tây Âu.

Câu 11. Hòa bình, ổn định, hợp tác cùng phát triển vừa là

- A. nhiệm vụ chung của toàn nhân loại khi bước vào thế kỉ XXI.
- B. trách nhiệm của các nước đang phát triển.
- C. trách nhiệm của các nước phát triển hiện nay.
- D. là thời cơ và vừa là thách thức đối với các dân tộc khi bước vào thế kỉ XXI.

Câu 12. Sự phân chia đối lập về kinh tế, chính trị và quân sự giữa các nước Tây Âu và Đông Âu được tạo nên bởi

- A. Học thuyết Tơ-ru-man của Mỹ.
- B. “Kế hoạch Mác-san” và sự ra đời của khối quân sự NATO.
- C. Chiến lược toàn cầu phân cách mạng của Mỹ.
- D. Sự thành lập khối quân sự NATO.

Câu 13. Năm 1991, diễn ra sự kiện gì có liên quan đến quan hệ quốc tế?

- A. Mỹ và Liên Xô chấm dứt chiến tranh lạnh.
- B. Trật tự hai cực Ianta bị xói mòn.
- C. Trật tự hai cực Ianta bị sụp đổ
- D. Xô - Mỹ tuyên bố hợp tác trên mọi phương diện.

Câu 14. Ý nào sau đây **không phải** là tác động tích cực của cuộc cách mạng khoa học công nghệ nửa sau thế kỉ XX?

- A. Năng suất lao động tăng.
- B. Thay đổi về cơ cấu dân cư.
- C. Ô nhiễm môi trường.
- D. Hình thành xu thế toàn cầu hóa.

Câu 15. Tổ chức nào sau đây **không phải** là biểu hiện của xu thế toàn cầu hóa?

- A. Diễn đàn Hợp tác Á - Âu (ASEM).
- B. Tổ chức Thương mại thế giới (WTO).
- C. Tổ chức Hiệp ước Bắc Đại Tây Dương (NATO).
- D. Quỹ tiền tệ quốc tế (IMF)

Câu 16. Biểu hiện của xu thế toàn cầu hóa

- A. Sự ra đời của tổ chức liên kết kinh tế, tài chính quốc tế và khu vực.
- B. Sự ra đời của tổ chức liên kết kinh tế, tiền tệ khu vực, quốc gia.
- C. Sự ra đời của tổ chức liên kết quân sự, tài chính quốc tế và khu vực.
- D. Sự ra đời của tổ chức liên kết quân sự, tài chính quốc gia và khu vực.

Câu 17. Tác động tích cực mà xu thế toàn cầu hóa mang lại

- A. Duy trì hòa bình thế giới.
- B. Sự tăng trưởng về kinh tế cao.
- C. Xóa đói giảm nghèo thế giới.
- D. Ổn định giữa các khu vực.

BÀI 12: PHONG TRÀO DÂN TỘC DÂN CHỦ Ở VIỆT NAM TỪ NĂM 1919 ĐẾN NĂM 1930

Câu 1. Trong cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai, thực dân Pháp đầu tư vốn nhiều nhất vào lĩnh vực nào?

- A. Nông nghiệp.
- B. Khai thác mỏ.
- C. Giao thông vận tải.
- D. Thương nghiệp.

Câu 2. Trong cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai của thực dân Pháp ở Việt Nam, giai cấp nào có số lượng tăng nhanh nhất?

- A. Nông dân.
- B. Tư sản dân tộc.
- C. Địa chủ.
- D. Công nhân.

Câu 3. Sau cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai, lực lượng cách mạng giữ vai trò nòng cốt là giai cấp

- A. công nhân.
- B. nông dân.
- C. tư sản.
- D. tiểu tư sản.

Câu 4. Giai cấp nào bị phân hóa, sau cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai của Pháp ở Việt Nam?

- A. tiểu tư sản.
- B. nông dân.
- C. tư sản.
- D. công nhân.

Câu 5. Chính Đảng của tư sản và địa chủ ở Việt Nam giai đoạn 1919-1925 là

- A. Đảng Lập hiến.
- B. Đảng Thanh niên.
- C. Việt Nam Quốc dân Đảng.
- D. An Nam Cộng sản Đảng.

Câu 6. Tờ báo nào của tiểu tư sản trí thức ở Việt Nam giai đoạn 1919-1925?

- A. Người nhà quê.
- B. Tin tức.
- C. Tiền phong.
- D. Dân chúng.

Câu 7. Tờ báo do Nguyễn Ái Quốc làm chủ nhiệm kiêm chủ bút là báo

- A. nhân đạo.
- B. người cùng khổ.
- C. đời sống công nhân.
- D. sự thật.

Câu 8. Nguyễn Ái Quốc tố cáo tội ác của thực dân Pháp đối với nhân dân An Nam thông qua tác phẩm

- A. bản án chế độ thực dân Pháp.
- B. con rồng tre.
- C. sự thật.
- D. vi hành.

Câu 9. Phong trào “chấn hưng nội hóa, bài trừ ngoại hóa” là của giai cấp

- A. địa chủ.
- B. nông dân.
- C. tư sản dân tộc.
- D. tư sản mại bản.

Câu 10. Tháng 10/1923, Nguyễn Ái Quốc dự Hội nghị

- A. Quốc tế Nông dân.
- B. Quốc tế Cộng sản.
- C. thành lập Đảng.
- D. Vécxai.

Câu 11. Giai cấp công nhân có nguồn gốc từ đâu?

- A. Giai cấp tư sản bị phá sản.
- B. Nông dân bị tước đoạt ruộng đất.
- C. Thợ thủ công bị thất nghiệp.
- D. Tiểu tư sản bị chèn ép.

Câu 12. Cuộc khai thác thuộc địa lần hai của thực dân Pháp nhằm mục đích chính là

- A. phát triển kinh tế Đông Dương.
- B. nắm chặt hơn thị trường Việt Nam.
- C. bù đắp những thiệt hại do chiến tranh gây ra.
- D. khôi phục lại địa vị của Pháp trong thế giới tư bản.

Câu 13. Sự kiện nào đánh dấu bước phát triển của phong trào công nhân chuyển từ hình thức đấu tranh tự phát sang tự giác?

- A. Đòi nhà cầm quyền Pháp trả lại tự do cho Phan Bội Châu.
- B. Bãi công của công nhân Ba Son (Sài Gòn) tháng 8/1925.
- C. Thành lập các Xô viết.
- D. Đám tang Phan Châu Trinh.

Câu 14. Nguyễn Ái Quốc rút ra được “muốn được giải phóng, các dân tộc chỉ có thể trông cậy vào lực lượng của bản thân mình” từ sự kiện

- A. gửi đến hội nghị Vécxai, bản yêu sách của nhân dân An Nam.
- B. đọc bản sơ thảo về vấn đề dân tộc và thuộc địa của Lê-nin.
- C. gia nhập Quốc tế cộng sản và tham gia thành lập Đảng Cộng sản Pháp.
- D. sáng lập ra Hội liên hiệp các dân tộc thuộc địa.

Câu 15. Sự kiện nào chứng tỏ Nguyễn Ái Quốc từ một người Việt Nam yêu nước trở thành người Quốc tế Cộng sản?

- A. Gửi đến hội nghị Vécxai, bản yêu sách của nhân dân An Nam.
- B. Đọc bản sơ thảo về vấn đề dân tộc và thuộc địa của Lê-nin.
- C. Gia nhập Quốc tế cộng sản và tham gia thành lập Đảng Cộng sản Pháp.
- D. Sáng lập ra Hội liên hiệp các dân tộc thuộc địa.

Câu 16. Sự kiện nào đánh dấu Nguyễn Ái Quốc tìm thấy con đường cứu nước đúng đắn cho dân tộc?

- A. Gửi đến hội nghị Vécxai, bản yêu sách của nhân dân An Nam.
- B. Đọc bản sơ thảo về vấn đề dân tộc và thuộc địa của Lênin.
- C. Gia nhập Quốc tế cộng sản và tham gia thành lập Đảng cộng sản Pháp.
- D. Sáng lập ra Hội liên hiệp các dân tộc thuộc địa.

Câu 17. Đặc điểm nào là cơ bản nhất của giai cấp công nhân Việt Nam?

- A. Bị ba tầng áp bức bóc lột.
- B. Có quan hệ khăng khít với nông dân.
- C. Kế thừa truyền thống yêu nước của dân tộc.
- D. Ảnh hưởng cách mạng tháng Mười Nga và chủ nghĩa Mác – Lênin.

Câu 18. Bộ phận đại địa chủ có thái độ chính trị như thế nào?

- A. Thỏa hiệp với Pháp để chống tư sản dân tộc.
- B. Phối hợp với tư sản dân tộc để chống Pháp.
- C. Thỏa hiệp với Pháp để hưởng quyền lợi.
- D. Kiên quyết đứng lên chống Pháp.

Câu 19. Sau cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai của thực dân Pháp, vươn lên lãnh đạo phong trào cách mạng Việt Nam là giai cấp nào?

- A. Công nhân. B. Nông dân. C. Tư sản. D. Tiểu tư sản.

Câu 20. Điều **không phải** là đặc điểm của giai cấp công nhân Việt Nam?

- A. Bị ba tầng áp bức bóc lột. B. Có quan hệ khăng khít với nông dân.
- C. Kế thừa truyền thống yêu nước của dân tộc. D. Thái độ chính trị không kiên định.

Câu 21. Hậu quả lớn nhất về kinh tế do chính sách khai thác thuộc địa lần thứ hai của Pháp là

- A. kinh tế phát triển không đều.

B. kinh tế có nguy cơ bị thui chột.

C. Việt Nam trở thành thị trường tiêu thụ hàng hóa của Pháp.

D. nguồn ngân sách Pháp thu được từ thuế ngày một tăng.

Câu 22. Sự kiện nào đánh dấu bước ngoặt trong cuộc đời hoạt động của Nguyễn Ái Quốc?

A. Gửi bản yêu sách của nhân dân An Nam đến hội nghị Vécxai.

B. Đọc Luận cương về vấn đề dân tộc và thuộc địa của Lênin.

C. Bỏ phiếu tán thành việc gia nhập Quốc tế Cộng sản.

D. Tham gia sáng lập ra Đảng Cộng sản Pháp.

Câu 23. Sau cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai, tăng nhanh về số lượng và chất lượng là giai cấp

A. công nhân. B. nông dân. C. tư sản. D. tiểu tư sản.

Câu 24. Sau cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai, lực lượng to lớn của cách mạng Việt Nam là giai cấp

A. công nhân. B. nông dân. C. tư sản. D. tiểu tư sản.

Câu 25. Cơ quan nào nắm quyền chỉ huy nền kinh tế Đông Dương?

A. Chính phủ Pháp. B. Tư sản mại bản.

C. Ngân hàng Đông Dương. D. Toàn quyền Đông Dương.

Câu 26. Trong những năm 1919-1925, tổ chức cuộc tẩy chay tư sản Hoa kiều là giai cấp nào?

A. Tư sản. B. Nông dân. C. Tiểu tư sản. D. Công nhân.

Câu 27. Năm 1923, địa chủ và tư sản đã tổ chức hoạt động đấu tranh nào?

A. Bãi công của công nhân Ba Son.

B. Thành lập các nhà xuất bản tiến bộ.

C. Tổ chức cuộc tẩy chay tư sản Hoa Kiều.

D. Chống độc quyền cảng Sài Gòn, độc quyền xuất cảng lúa gạo của Pháp.

Câu 28. Một số tư sản và địa chủ lớn ở Nam Kỳ đã lập ra tổ chức nào?

A. Đảng Lập hiến. B. Việt Nam nghĩa đoàn.

C. Hội Phục Việt. D. Đảng Thanh niên.

Câu 29. Đánh dấu giai cấp công nhân Việt Nam bước đầu chuyển sang đấu tranh tự phát là sự kiện nào?

A. Công nhân Ba Son (Sài Gòn) bãi công.

B. Công hội thành lập ở Sài Gòn - Chợ Lớn.

C. Đảng Cộng sản Việt Nam được thành lập.

D. Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên ra đời.

Câu 30. Vì sao cuộc bãi công Ba Son (Sài Gòn) đánh dấu bước phát triển mới của phong trào công nhân?

A. Có tổ chức lãnh đạo. B. Quy mô bãi công lớn.

C. Thời gian bãi công dài. B. Hình thức phong phú.

Câu 31. Tư sản và địa chủ lớn ở Nam Kỳ thỏa hiệp với Pháp vì?

A. Thực dân Pháp nhượng bộ cho một số quyền lợi.

B. Thực dân Pháp đàn áp các phong trào đấu tranh.

C. Để khuếch trương "công lao khai hóa" của Pháp.

D. Để đả phá chế độ quân chủ, đề cao dân quyền.

Câu 31. Tổ chức chính trị nào **không phải** của tầng lớp tiểu tư sản trí thức?

A. Đảng Lập hiến. B. Việt Nam nghĩa đoàn.

C. Hội Phục Việt. D. Đảng Thanh niên.

Câu 32. Công nhân xưởng Ba Son (Sài Gòn) không sửa chữa chiếm hạm Misolê của Pháp vì lí do nào?

A. Chủ xưởng không tăng lương cho công nhân.

C. Công nhân đòi thành lập tổ chức Công hội.

B. Pháp đàn áp cuộc đấu tranh của công nhân.

D. Là phương tiện chở lính sang đàn áp nhân dân Trung Quốc.

Câu 33. Có quyền lợi gắn với đế quốc Pháp là đặc điểm của gia cấp nào?

A. Nông dân. Công nhân.

C. Tiểu tư sản.

D. Tư sản mại bản.

Câu 34. Trong những năm 1919-1925, giai cấp nào đã tổ chức các cuộc mít tinh, biểu tình, bãi khóa?

A. Tư sản.

B. Nông dân.

C. Công nhân.

D. Tiểu tư sản.

Câu 35. Năm 1923, tư sản và địa chủ đã

A. thành lập Đảng Lập hiến.

B. chống độc quyền xuất cảng lúa gạo.

C. tổ chức đám tang Phan Châu Trinh.

D. đấu tranh đòi thả tự do cho Phan Bội Châu.

Câu 36. Ở Việt Nam từ năm 1919 đến 1929, Pháp đã thực hiện chính sách chủ yếu nào?

A. Chính sách chia để trị.

B. Chính sách "ngu dân".

C. Khai thác thuộc địa lần thứ nhất. D. Khai thác thuộc địa lần thứ hai.

Câu 37. Trong xã hội Việt Nam, từ sau cuộc khai thác thuộc địa lần thứ hai mâu thuẫn nào là chủ yếu?

A. Giai cấp công nhân với tư bản Pháp.

B. Giai cấp nông dân với địa chủ phong kiến.

C. Tư sản người Việt với tư sản người Pháp.

D. Toàn thể dân tộc với thực dân Pháp và phản động tay sai.

Câu 38. Có tinh thần dân tộc dân chủ, chống đế quốc, phong kiến nhưng thái độ không kiên định, dễ thỏa hiệp đó là đặc điểm của giai cấp nào?

A. Nông dân. B. Tiểu tư sản. C. Tư sản dân tộc.

D. Tư sản mại bản.

Câu 39. Giai cấp công nhân Việt Nam có đặc điểm gì?

A. Chịu hai tầng áp bức bóc lột.

B. Chịu ba tầng áp bức bóc lột.

C. Phân hóa thành hai bộ phận.

D. Có quyền lợi gắn với Pháp.

Câu 40. Giai cấp nông dân Việt Nam có đặc điểm gì?

A. Chịu hai tầng áp bức bóc lột.

B. Chịu ba tầng áp bức bóc lột.

C. Phân hóa thành hai bộ phận.

D. Có quyền lợi gắn với Pháp.

Câu 41. Giai cấp tư sản Việt Nam có đặc điểm gì?

A. Chịu hai tầng áp bức bóc lột.

B. Chịu ba tầng áp bức bóc lột.

C. Phân hóa thành hai bộ phận.

D. Có quyền lợi gắn với Pháp.

Câu 42. Đây là đặc điểm của một bộ phận đại địa chủ Việt Nam?

A. Chịu hai tầng áp bức bóc lột.

B. Chịu ba tầng áp bức bóc lột.

C. Phân hóa thành hai bộ phận.

D. Có quyền lợi gắn với Pháp.

Câu 43. Ngày 18/6/1919, Nguyễn Ái Quốc thay mặt những người Việt Nam yêu nước tại Pháp đã

A. tham gia sáng lập Đảng Cộng sản Pháp.

B. đọc Bản Sơ thảo Luận cương của Lênin.

C. gửi đến Hội nghị Vécxai bản yêu sách của nhân dân An Nam.

D. bỏ phiếu tán thành việc gia nhập Quốc tế Cộng sản.

Câu 44. Tại Pháp vào ngày 25/12/1920, Nguyễn Ái Quốc đã có hoạt động gì?

- A. Đọc Bản Sơ thảo luận cương của Lênin.
- B. Dự Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XVIII ở Pháp.
- C. Tham gia sáng lập Hội liên hiệp thuộc địa.
- D. Gửi đến Hội nghị Vecxai Bản yêu sách của nhân dân An Nam.

Câu 45. Cuộc bãi công của công nhân thợ máy xưởng Ba Son (8/1925) đánh dấu phong trào công nhân phát triển như thế nào?

- A. Bước đầu chuyển từ tự phát sang tự giác.
- B. Bước đầu chuyển từ tự giác sang tự phát.
- C. Đẩy mạnh đấu tranh chính trị.
- D. Đẩy mạnh đấu tranh vũ trang.

Câu 46. Đâu **không phải** là đặc điểm của giai cấp công nhân Việt Nam?

- A. Xuất thân từ giai cấp nông dân.
- B. Bị ba tầng áp bức bóc lột.
- C. Sớm tiếp thu chủ nghĩa Mác - Lênin.
- D. Có quyền lợi gắn với đế quốc Pháp.

Câu 47. Để tập hợp những người dân thuộc địa đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân, Nguyễn Ái Quốc đã

- A. thành lập Hội Liên hiệp các dân tộc bị áp bức ở Á Đông.
- B. tham gia Đại hội thành lập Đảng Cộng sản Pháp.
- C. dự Đại hội lần thứ V của Quốc tế Cộng sản.
- D. lập ra Hội Liên hiệp các dân tộc thuộc địa.

Câu 48. Sắp xếp các sự kiện sau theo thứ tự thời gian những hoạt động của Nguyễn Ái Quốc?

1. Dự Đại hội lần thứ V của Quốc tế cộng sản.
2. Tham gia sáng lập Hội liên hiệp thuộc địa.
3. Đọc Bản Sơ thảo luận cương của Lênin.

- A. 3-2-1.
- B. 1-2-3.
- C. 2-3-1.
- D. 2-1-3.

Bài 13: PHONG TRÀO DÂN TỘC DÂN CHỦ Ở VIỆT NAM TỪ NĂM 1925 - 1930

Câu 1. Tháng 6/1925, Nguyễn Ái Quốc đã thành lập tổ chức cách mạng nào?

- A. Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên.
- B. Tân Việt Cách mạng đảng.
- C. Việt Nam Quốc dân đảng.
- D. Đông Dương Cộng sản đảng.

Câu 2. Quá trình phân hóa của Hội Việt Nam cách mạng Thanh niên đã dẫn đến sự thành lập các tổ chức cộng sản nào?

- A. Đông Dương Cộng sản đảng và An Nam Cộng sản đảng.
- B. An Nam Cộng sản đảng và Đông Dương Cộng sản liên đoàn.
- C. Đông Dương Cộng sản đảng và Đông Dương Cộng sản liên đoàn.
- D. Đông Dương Cộng sản đảng và Tân Việt Cách mạng đảng.

Câu 3. Quá trình phân hóa của Tân Việt Cách mạng đảng đã dẫn đến sự thành lập tổ chức cộng sản nào?

- A. Đông Dương Cộng sản đảng.
- B. An Nam Cộng sản đảng.
- C. Đông Dương Cộng sản liên đoàn.
- D. Tân Việt Cách mạng đảng.

Câu 4. Cơ quan ngôn luận của Hội Việt Nam Cách Mạng Thanh niên là

- A. báo Thanh Niên.
- B. tác phẩm "Đường Kách mệnh".
- C. bản án chế độ thực dân Pháp.
- D. báo Người cùng khổ.

Câu 5. Cơ quan lãnh đạo cao nhất của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên là

A. Đảng bộ. B. Chi bộ. C. Chi ủy. D. Tổng bộ.

Câu 6. Những bài giảng của Nguyễn Ái Quốc ở các lớp huấn luyện tại Quảng Châu được tập hợp và in thành tác phẩm

A. Bản án chế độ thực dân Pháp. B. Bản yêu sách 8 điểm.
C. Đường Kách mệnh. D. Đời sống mới.

Câu 7. Chủ trương “Vô sản hóa” vào cuối năm 1928 của tổ chức nào?

A. Việt Nam Cách mạng Thanh niên. B. Tân Việt Cách mạng đảng.
C. Việt Nam quốc dân đảng. D. Hội Phục Việt.

Câu 8. Năm 1921 Nguyễn Ái Quốc đã cùng một số người yêu nước của Angiêri, Maroc... lập ra hội

A. Việt Nam Cách mạng thanh niên. B. Liên hiệp các dân tộc áp bức Á Đông.
C. Liên hiệp thuộc địa ở Pari. D. Phục Việt.

Câu 9. Tổ chức được coi là tiền thân của Đảng cộng sản Việt Nam là

A. Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên. B. Đông Dương Cộng sản liên đoàn.
C. Tân Việt Cách mạng đảng. D. Việt Nam Quốc dân đảng.

Câu 10. Tháng 12/1927 trên cơ sở hạt nhân là Nam đồng thư xã đã thành lập ra tổ chức nào?

A. Đảng Thanh niên. B. Đảng Lập hiến.
C. Việt Nam Quốc dân đảng. D. Tân Việt Cách mạng đảng.

Câu 11. Hoạt động của tổ chức Việt Nam Quốc dân đảng đã chấm dứt sau cuộc khởi nghĩa nào?

A. Thái Nguyên. B. Yên Bái. C. Bắc Sơn. D. Nam Kì.

Câu 12. Mục tiêu của Việt Nam Quốc dân đảng là

A. xóa bỏ ngôi vua. B. thiết lập dân quyền.
C. đánh đuổi giặc Pháp, đánh đổ ngôi vua, thiết lập dân quyền.
D. đánh đổ ngôi vua, đánh đuổi giặc Pháp, lập nên nước Việt Nam độc lập.

Câu 13. Tháng 2/1929 tổ chức nào đã tổ chức vụ ám sát tên trùm mộ phu Badanh ở Hà nội?

A. Tâm tâm xã. B. Việt Nam Cách mạng Thanh niên.
C. Tân Việt Cách mạng đảng. D. Việt Nam Quốc dân đảng.

Câu 14. Địa bàn hoạt động chủ yếu của Việt Nam Quốc dân đảng ở đâu?

A. Bắc Kì. B. Trung Kì. C. Nam Kì. D. Nước ngoài.

Câu 15. Cuộc khởi nghĩa Yên Bái (2/1930) do tổ chức nào lãnh đạo?

A. Đảng Thanh niên. B. Đảng Lập hiến.
C. Việt Nam Quốc dân đảng. D. Tân Việt Cách mạng đảng.

Câu 16. Số nhà 5D phố Hàm Long (Hà Nội) là nơi diễn ra sự kiện gì?

A. Đại hội lần thứ nhất của Việt Nam Cách Mạng Thanh Niên.
B. Thành lập Đông Dương Cộng sản đảng.
C. Thành lập Chi bộ Cộng sản đầu tiên ở Việt Nam.
D. Hội nghị thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam.

Câu 17. Cơ quan ngôn luận của Đông Dương Cộng sản đảng là báo nào?

A. Nhành Lúa. B. Người Nhà Quê. C. Búa Liềm. D. Chuông Rè.

Câu 18. Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng Cộng sản Việt Nam gồm các văn kiện nào?

A. Chính cương văn tắt và Điều lệ văn tắt.
B. Chính cương văn tắt, Sách lược văn tắt và Điều lệ văn tắt.

C. Chính cương văn tắt và Sách lược văn tắt.

D. Chính cương văn tắt và Lời kêu gọi của Nguyễn Ái Quốc.

Câu 19. Tổ chức nào dưới đây là hạt nhân dẫn đến sự ra đời của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên?

A. Tâm tâm xã. B. Hội Phục Việt. C. Đảng Lập hiến. D. Cộng sản đoàn.

Câu 20. Cơ quan ngôn luận của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên là báo nào?

A. Thanh niên. B. An Nam trẻ. C. Người nhà quê. D. Người cùng khổ.

Câu 21. Cuộc khởi nghĩa Yên Bái thất bại do nguyên nhân khách quan nào?

A. Khởi nghĩa nổ ra bị động. B. Đế quốc Pháp còn mạnh.

C. Giai cấp tư sản dân tộc lãnh đạo. D. Tổ chức Việt Nam Quốc dân Đảng còn non yếu.

Câu 22. Năm 1924 sau khi đến Quảng Châu-Trung Quốc, hoạt động chủ yếu của Nguyễn Ái Quốc là

A. thực hiện phong trào "vô sản hóa". B. thống nhất các tổ chức cộng sản.

C. mở lớp huấn luyện, đào tạo cán bộ. D. thành lập Đông Dương Cộng sản liên đoàn.

Câu 23. Mục tiêu của tổ chức Việt Nam Quốc dân đảng là đánh đuổi giặc Pháp

A. xóa bỏ phong kiến. B. giành độc lập dân tộc.

C. lập nên nước Việt Nam độc lập. D. đánh đổ ngôi vua, thiết lập dân quyền.

Câu 24. Bài học chủ yếu được rút ra từ sự thất bại của khởi nghĩa Yên Bái (9/2/1930) cho cách mạng Việt Nam là gì?

A. Phải đoàn kết. B. Phải có sự chuẩn bị chu đáo.

C. Phải có đường lối lãnh đạo đúng đắn. D. Tập hợp đông đảo quần chúng đấu tranh.

Câu 25. Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên đã truyền bá lí luận nào dưới đây vào Việt Nam?

A. Chủ nghĩa Mác-Lênin. B. Lí luận giải phóng dân tộc.

C. Chủ nghĩa Tam dân. D. Tư tưởng đấu tranh giai cấp.

Câu 26. Bối cảnh nào dẫn tới sự xuất hiện của các tổ chức cộng sản ở Việt Nam năm 1929?

A. Phong trào dân tộc dân chủ phát triển.

B. Nguyễn Ái Quốc đến Quảng Châu (Trung Quốc).

C. Pháp đẩy thực hiện nền kinh tế chỉ huy.

D. Cuộc khởi nghĩa Yên Bái thất bại.

Câu 27. Đưa tới sự thành lập chi bộ cộng sản đầu tiên ở Việt Nam là tổ chức cách mạng nào?

A. Hội Việt Nam cách mạng Thanh niên. B. Việt Nam Quốc dân đảng.

C. Tân Việt cách mạng đảng. D. Đảng cộng sản Việt Nam.

Câu 28. Ở Việt Nam trong năm 1929 nội dung nào **không** thể hiện đúng ý nghĩa sự ra đời 3 tổ chức cộng sản?

A. Là sự phát triển khách quan của cuộc vận động giải phóng dân tộc.

B. Là sự chuẩn bị cho sự ra đời Đảng cộng sản Việt Nam.

C. Phản ánh sự phát triển của phong trào công nhân và phong trào yêu nước.

D. Là bước ngoặt vĩ đại trong lịch sử cách mạng Việt Nam.

Câu 29. Sau khi ra đời năm 1929, ba tổ chức cộng sản ở Việt Nam đã có hoạt động như thế nào?

A. Hoạt động riêng rẽ, tranh giành ảnh hưởng lẫn nhau.

B. Phát động các cuộc khởi nghĩa vũ trang.

C. Đẩy mạnh đấu tranh du kích.

D. Đi từ khởi nghĩa từng phần tiến tới tổng khởi nghĩa.

Câu 30. Nội dung nào **không phải** là lí do dẫn đến sự xuất hiện ba tổ chức cộng sản trong năm 1929?

- A. Phong trào công nhân phát triển mạnh.
- B. Phong trào yêu nước phát triển mạnh.
- C. Sự phân hoá của Hội Việt Nam cách mạng Thanh niên.
- D. Sự suy yếu của Việt Nam quốc dân đảng.

Câu 31. Sự xuất hiện ba tổ chức cộng sản ở Việt Nam chứng tỏ khuynh hướng cách mạng

- A. vô sản đang chiếm ưu thế ở Việt Nam.
- B. tư sản đang chiếm ưu thế ở Việt Nam.
- C. phong kiến phát triển mạnh.
- D. tư sản và vô sản song song tồn tại.

Câu 32. Sắp xếp các sự kiện sau theo trình tự thời gian?

- 1. Đảng cộng sản Việt Nam.
- 2. An Nam cộng sản.
- 3. Đông Dương cộng sản đảng.

- A. 1-2-3.
- B. 2-3-1.
- C. 3-2-1.
- D. 2-1-3.

Câu 33. Việt Nam Quốc dân đảng phát động khởi nghĩa Yên Bái (1930) trong bối cảnh nào?

- A. Những người lãnh đạo đã có sự chuẩn bị chu đáo.
- B. Tầng lớp trung gian sẵn sàng tham gia khởi nghĩa
- C. Lực lượng của cuộc khởi nghĩa được chuẩn bị chu đáo.
- D. Pháp tiến hành khủng bố đã man những người yêu nước.

Câu 34. Tư tưởng cốt lõi trong Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng Cộng sản Việt Nam là

- A. tự do và dân chủ.
- B. độc lập và tự do.
- C. ruộng đất cho dân cày.
- D. đoàn kết với cách mạng thế giới.

Câu 35. Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng Cộng sản Việt Nam xác định giai cấp lãnh đạo cách mạng Việt Nam là

- A. công nhân.
- B. nông dân.
- C. tư sản.
- D. tiểu tư sản.

Câu 36. Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng Cộng sản Việt Nam xác định hai giai cấp là động lực chính của cách mạng Việt Nam là

- A. Công nhân và Tư sản.
- B. Nông dân và Tiểu tư sản.
- C. Công nhân và Nông dân.
- D. Tư sản và Tiểu tư sản.

Câu 37. Năm 1927 các bài giảng lý luận chính trị của Nguyễn Ái Quốc in thành tác phẩm nào?

- A. Báo Thanh Niên.
- B. Tác phẩm "Đường Kách mệnh".
- C. Bản án chế độ thực dân Pháp.
- D. Báo Người cùng khổ.

Câu 38. Độc lập và tự do là tư tưởng cốt lõi trong nội dung nào?

- A. Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng.
- B. Luận cương chính trị.
- C. Tuyên ngôn của Đảng cộng sản.
- D. Mặt trận phản đế Đông Dương.

Câu 39. Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng Cộng sản Việt Nam xác định mẫu thuẫn cơ bản của xã hội Việt Nam là mâu thuẫn

- A. dân tộc.
- B. giai cấp.
- C. dân tộc và giai cấp.
- D. giai cấp vô sản và tư sản.

Câu 40. Tháng 6/1925, Nguyễn Ái Quốc thành lập tổ chức cách mạng nào?

- A. Hội Việt Nam cách mạng Thanh niên.
- B. Tân Việt cách mạng đảng.
- C. Việt Nam Quốc dân đảng.
- D. Đông Dương cộng sản đảng.

Câu 41. Đông Dương cộng sản đảng là sự phân hóa của tổ chức cách mạng nào?

A. Hội Việt Nam cách mạng Thanh niên. B. Tân Việt cách mạng đảng.

C. Việt Nam Quốc dân đảng. D. Đông Dương cộng sản liên đoàn.

Câu 42. Tháng 9/1929, tổ chức Tân Việt Cách mạng đảng tuyên bố thành lập tổ chức cộng sản nào?

A. An Nam Cộng sản đảng. B. Đông Dương Cộng sản đảng.

C. Đông Dương Cộng sản liên đoàn. D. Tân Việt cách mạng đảng.

Câu 43. Ngày 24/2/1930, tổ chức nào gia nhập Đảng cộng sản Việt Nam?

A. An Nam Cộng sản đảng. B. Đông Dương Cộng sản đảng.

C. Đông Dương Cộng sản liên đoàn. D. Tân Việt cách mạng đảng.

Câu 44. Cộng sản đoàn là hạt nhân dẫn đến sự ra đời của tổ chức cách mạng nào?

A. Hội Việt Nam cách mạng Thanh niên. B. Tân Việt cách mạng đảng.

C. Việt Nam Quốc dân đảng. D. Đông Dương cộng sản liên đoàn.

Câu 45. Đánh đuổi giặc pháp, đánh đổ ngôi vua, thiết lập dân quyền là mục tiêu của tổ chức nào?

A. Hội Việt Nam cách mạng Thanh niên. B. Tân Việt cách mạng đảng.

C. Việt Nam Quốc dân đảng. D. Đông Dương cộng sản liên đoàn.

Bài 14: PHONG TRÀO CÁCH MẠNG 1930-1935

Câu 1. Đây là nguyên nhân dẫn đến bùng nổ phong trào cách mạng 1930 - 1931?

A. Do hậu quả của cuộc khủng hoảng kinh tế.

B. Pháp tiến hành chương trình khai thác thuộc địa.

C. Các tổ chức Cộng sản ra đời.

D. Các tổ chức Cách mạng ra đời.

Câu 2. Trong những năm 1929 - 1933, bức tranh chung của tình hình kinh tế Việt Nam là

A. nông nghiệp phục hồi. B. công nghiệp tăng.

C. thương mại mở rộng. D. khủng hoảng suy thoái.

Câu 3. Cuộc khủng hoảng kinh tế 1929 - 1933 đã ảnh hưởng lớn nhất đối với Việt Nam trên lĩnh vực nào?

A. Thương nghiệp. B. Thủ công nghiệp. C. Công nghiệp. D. Nông nghiệp.

Câu 4. Trong năm 1930, tiến hành nhiều cuộc đấu tranh nhất trên phạm vi cả nước là lực lượng xã hội nào?

A. Công nhân. B. Nông dân. C. Địa chủ. D. Tư sản dân tộc.

Câu 5. Trên lĩnh vực văn hóa - giáo dục, chính quyền Xô viết Nghệ - Tĩnh đã tiến hành biện pháp nào?

A. Thực hiện quyền tự do dân chủ cho nhân dân. B. Chia ruộng đất cho dân cày.

C. Mở lớp dạy chữ Quốc ngữ cho nhân dân. D. Xóa nợ cho người nghèo.

Câu 6. Ngày 1/5/1930 diễn ra nhiều cuộc đấu tranh kỷ niệm ngày gì?

A. Ngày Quốc tế Lao động. B. Khởi nghĩa toàn quốc.

C. Quốc khánh nước Việt Nam. D. Tổng tuyển cử trong cả nước.

Câu 7. Cuộc khủng hoảng kinh tế 1929 - 1933 đã làm giai cấp nào khổ cực nhất?

A. Nông dân. B. Công nhân. C. Tiểu tư sản. D. Tư sản.

Câu 8. Nội dung nào **không phải** là chính sách của Xô viết Nghệ - Tĩnh?

A. Thành lập các đội tự vệ đỏ và toà án nhân dân.

B. Chia ruộng đất công cho dân cày nghèo.

C. Tổ chức các cuộc bầu cử Hội đồng nhân dân.

D. Xoá bỏ các tệ nạn xã hội, giữ vững trật tự trị an.

Câu 9. Hội nghị lần thứ nhất ban Chấp hành Trung ương Đảng lâm thời họp trong hoàn cảnh phong trào cách mạng 1930 - 1931

A. bắt đầu bùng nổ.

B. đang diễn ra quyết liệt.

C. bắt đầu thoái trào.

D. thời kỳ thoái trào.

Câu 10. Trong những năm khủng hoảng kinh tế 1929 - 1933, mâu thuẫn chủ yếu trong xã hội Việt Nam là mâu thuẫn giữa

A. nông dân với địa chủ phong kiến.

B. tiểu tư sản với địa chủ phong kiến.

C. dân tộc Việt Nam với thực dân Pháp và đế quốc Mỹ.

D. dân tộc Việt Nam với thực dân Pháp và tay sai phản động.

Câu 11. Hậu quả lớn nhất của cuộc khủng hoảng kinh tế 1929 - 1933 đối với xã hội Việt Nam là

A. công - thương nghiệp chậm phát triển.

B. tình trạng đói khổ của nhân dân lao động ngày càng trầm trọng.

C. mâu thuẫn giữa nông dân với địa chủ ngày càng gay gắt.

D. tư sản dân tộc gặp nhiều khó khăn trong kinh doanh.

Câu 12. Sự kiện nào đánh dấu phong trào cách mạng 1930 - 1931 phát triển đến đỉnh cao?

A. Cuộc biểu tình của nông dân huyện Hưng Nguyên (Nghệ An).

B. Phong trào cách mạng rộng lớn khắp cả nước.

C. Công nhân Việt Nam biểu tình nhân ngày quốc tế lao động.

D. Thành lập chính quyền Xô viết Nghệ - Tĩnh.

Câu 13. Tính quyết liệt trong phong trào đấu tranh của nông dân hai tỉnh Nghệ An và Hà Tĩnh trong tháng 9/1930 là

A. đòi giảm sưu thuế.

B. đấu tranh chính trị.

C. phản đối chính sách khủng bố của Pháp. D. biểu tình có vũ trang.

Câu 14. Kết quả phong trào đấu tranh của nông dân ở hai tỉnh Nghệ An và Hà Tĩnh là.

A. Hệ thống chính quyền địch bị tan rã, tê liệt ở nhiều huyện xã.

B. Thực dân Pháp phải thực hiện giảm tô thuế.

C. Nông dân được chia lại ruộng đất công.

D. Nông dân được tự do hội họp, báo chí.

Câu 15. Tổ chức nào thực hiện quyền làm chủ của nhân dân lao động, điều hành mọi mặt đời sống xã hội?

A. Đảng Lập Hiến.

B. Đoàn Thanh niên phản đế.

C. Các Xô viết.

D. Mặt trận Việt Minh.

Câu 16. Cuộc tập dượt đầu tiên của Đảng cho Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945 là

A. phong trào công nhân.

B. phong trào cách mạng 1930 - 1931.

C. phong trào dân chủ 1936 - 1939. D. phong trào giải phóng dân tộc 1939 - 1945.

Câu 17. Lần đầu tiên có sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam là phong trào cách mạng nào?

A. phong trào công nhân.

B. phong trào cách mạng 1930 - 1931.

C. phong trào dân chủ 1936 - 1939. D. phong trào giải phóng dân tộc 1939 - 1945.

Câu 18. Đầu **không phải** là bài học kinh nghiệm của phong trào cách mạng 1930 - 1931?

A. Xây dựng khối liên minh công nông.

B. Về công tác tư tưởng.

C. Tổ chức, lãnh đạo quần chúng đấu tranh. D. Về chớp thời cơ.

Câu 19. Từ năm 1930, kinh tế Việt Nam bước vào thời kỳ

A. phát triển. B. phát triển mạnh mẽ.

C. suy thoái khủng hoảng. D. đang suy thoái.

Câu 20. Lá cờ Đảng xuất hiện lần đầu tiên trong sự kiện nào?

A. Hội nghị thành lập Đảng. B. Phong trào Xô viết Nghệ - Tĩnh.

C. Khởi nghĩa Nam Kỳ. D. Khởi nghĩa Bắc Sơn.

Câu 21. Luận cương chính trị (10/1930) của Đảng Cộng sản Đông Dương xác định giai cấp lãnh đạo Cách mạng là

A. Nông dân. B. Công nhân. C. Tư sản dân tộc. D. Tiểu Tư sản.

Câu 22. Mâu thuẫn cơ bản nhất của xã hội Việt Nam trong những năm khủng hoảng kinh tế thế giới 1929-1933 là

A. tư sản với địa chủ. B. nông dân với Phong kiến.

C. vô sản với tư sản. D. dân tộc với đế quốc.

Câu 23. Đâu **không phải** là việc làm của chính quyền Xô viết?

A. Chia ruộng đất cho dân cày nghèo, bãi bỏ các thứ thuế vô lý.

B. Xóa bỏ các tập tục lạc hậu, xây dựng đời sống mới.

C. Xây dựng khối liên minh công nông.

D. Thực hiện các quyền tự do dân chủ.

Câu 24. Nhiệm vụ chiến lược của cách mạng Đông Dương được nêu trong Luận cương chính trị tháng 10/1930 là đánh đổ

A. đế quốc, phong kiến và tư sản phản cách mạng.

B. phong kiến và tư sản phản cách mạng.

C. phong kiến và đế quốc. D. đế quốc và phong kiến.

Câu 25. Nhiệm vụ chiến lược của cách mạng Đông Dương được nêu trong Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng là đánh đổ

A. đế quốc, phong kiến và tư sản phản cách mạng.

B. phong kiến và tư sản phản cách mạng.

C. phong kiến và đế quốc. D. đế quốc và phong kiến.

Câu 26. Lực lượng chủ yếu tham gia phong trào cách mạng 1930-1931 là

A. công nhân và nông dân. B. công nhân và tiểu tư sản.

C. công nhân và tư sản. D. tư sản và tiểu tư sản.

Câu 27. Xô viết Nghệ - Tĩnh đã thực hiện quyền làm chủ của quần chúng trên lĩnh vực chính trị và

A. kinh tế, xã hội. B. văn hóa, giáo dục.

C. giáo dục, văn hóa - xã hội. D. kinh tế, văn hóa – xã hội.

Câu 28. So với Cương lĩnh chính trị đầu tiên, Luận cương chính trị tháng 10/1930 còn hạn chế trong cách xác định

A. lực lượng cách mạng. B. nhiệm vụ cách mạng.

C. đường lối chiến lược cách mạng. D. nhiệm vụ và lực lượng cách mạng.

Câu 29. Nguyên nhân cơ bản nhất quyết định sự bùng nổ phong trào cách mạng 1930 - 1931 là

A. ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng kinh tế 1929 - 1933.

- B. sự bóc lột tàn bạo của đế quốc và địa chủ phong kiến.
- C. Pháp tiến hành khủng bố trắng sau khởi nghĩa Yên Bái.
- D. Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời đã kịp thời lãnh đạo.

Câu 30. Nét khác biệt của phong trào cách mạng 1930-1931 so với các phong trào cách mạng trước đó là

- A. ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng kinh tế 1929 - 1933.
- B. sự bóc lột tàn bạo của đế quốc và địa chủ phong kiến.
- C. Pháp tiến hành khủng bố trắng sau khởi nghĩa Yên Bái.
- D. lần đầu tiên có sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Câu 31. Sự kiện nào đã chứng tỏ phong trào cách mạng 1930 – 1931 đạt tới đỉnh cao?

- A. Phong trào diễn ra khắp cả nước.
- B. Thành lập Xô viết Nghệ - Tĩnh.
- C. Giải quyết vấn đề ruộng đất cho nông dân.
- D. Hình thành khối liên minh công nông.

Câu 32. Điều *không phải* là chính sách của Xô viết?

- A. Ban bỏ quyền tự do dân chủ.
- B. Chống thù trong, giặc ngoài.
- C. Xóa bỏ các tệ nạn xã hội.
- D. Chia ruộng đất cho dân nghèo.

Câu 33. Các cuộc đấu tranh trong phong trào cách mạng 1930 -1931 là nhằm mục đích gì?

- A. Đòi tự do, dân sinh, dân chủ.
- B. Chống đế quốc và phong kiến.
- C. Phản đối chính sách của Nhật.
- D. Chống phản động Pháp và bè lũ tay sai.

Câu 34. Chính quyền cách mạng lập nên ở Nghệ - Tĩnh được gọi là "Xô viết", Tên gọi "Xô Viết" xuất phát từ

- A. cách mạng Trung Quốc.
- B. cách mạng Nga.
- C. cách mạng Ấn Độ.
- D. cách mạng Anh.

Câu 35. Hội nghị lần thứ nhất Ban Chấp hành Trung ương lâm thời Đảng Cộng sản Việt Nam đã quyết định đổi tên Đảng Cộng sản Việt Nam thành

- A. Đảng Cộng sản Đông Dương.
- B. Đông Dương Cộng sản Đảng.
- C. Đảng Lao Động Việt Nam.
- D. Đông Dương Cộng sản Liên đoàn.

Câu 36. Luận cương chính trị của Đảng đã xác định động lực của cách mạng là giai cấp

- A. công nhân và nông dân.
- B. địa chủ và nông dân.
- C. công nhân và tư sản dân tộc.
- D. công nhân và tiểu tư sản.

Câu 37. Cương lĩnh chính trị của Đảng đã xác định động lực của cách mạng là giai cấp

- A. công nhân, nông dân và các lực lượng tiến bộ khác.
- B. địa chủ, nông dân, tiểu tư sản và tư sản dân tộc.
- C. công nhân và tư sản dân tộc.
- D. công nhân và tiểu tư sản.

Câu 38. Luận cương chính trị đã xác định đường lối chiến lược của cách mạng Đông Dương là

- A. cách mạng tư sản dân quyền.
- B. cách mạng xã hội chủ nghĩa.
- C. "tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản".
- D. cách mạng tư sản dân quyền, bỏ qua thời kì tư bản chủ nghĩa, tiến thẳng lên con đường xã hội chủ nghĩa.

Câu 39. Hội nghị nào đã quyết định đổi tên Đảng Cộng sản Việt Nam thành đảng Cộng sản Đông Dương?

- A. Hội nghị tháng 10/1930.
- B. Hội nghị tháng 7/1936.
- C. Hội nghị tháng 11/1939.
- D. Hội nghị tháng 5/1941.

Câu 40. Từ tháng 2 đến tháng 4/1930, nổ ra nhiều cuộc đấu tranh của

- A. công nhân và nông dân. B. công nhân và tư sản.
C. học sinh và sinh viên. D. địa chủ phong kiến.

Câu 41. Ngày 12/9/1930 ở Hưng Nguyên (Nghệ An), diễn ra sự kiện gì?

- A. Cuộc biểu tình của nông dân B. Phong trào phá kho thóc của Nhật.
C. Đấu tranh nhân ngày Quốc tế Lao động. D. Nông dân đòi giảm sưu thuế.

Câu 42. Sự kiện nào làm cho hệ thống chính quyền thực dân, phong kiến ở nhiều địa phương tan rã?

- A. Cuộc biểu tình của nông dân huyện Hưng Nguyên.
B. Cuộc biểu tình của công nhân Vinh - Bến Thủy.
C. Đấu tranh nhân ngày Quốc tế Lao động.
D. Nông dân đòi giảm sưu thuế.

Câu 43. Hội nghị nào đã quyết định cử Ban Chấp hành Trung ương chính thức?

- A. Hội nghị tháng 10/1930. B. Hội nghị tháng 7/1936.
C. Hội nghị tháng 11/1939. D. Hội nghị tháng 5/1941.

Câu 44. Hội nghị nào đã thông qua luận cương chính trị của Đảng?

- A. Hội nghị tháng 10/1930. B. Hội nghị tháng 7/1936.
C. Hội nghị tháng 11/1939. D. Hội nghị tháng 5/1941.

Câu 45. Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời đã kịp thời lãnh đạo phong trào cách mạng nào?

- A. Phong trào cách mạng 1930-1931. B. Phong trào dân chủ 1936-1939.
C. Cách mạng tháng Tám. D. Chiến dịch Biên Giới thu - đông.

Câu 46. Tại Nghệ An - Hà Tĩnh sự kiện nào đạt tới đỉnh cao?

- A. Cuộc biểu tình của nông dân huyện Hưng Nguyên (Nghệ An).
B. Cuộc biểu tình của công nhân Vinh - Bến Thủy.
C. Đấu tranh nhân ngày Quốc tế Lao động. D. Nông dân đòi giảm sưu thuế.

Câu 47. Nguyên nhân nào là cơ bản nhất, quyết định sự bùng nổ phong trào cách mạng 1930 – 1931?

- A. Ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng kinh tế 1929 - 1933.
B. Thực dân Pháp tiến hành khủng bố sau khởi nghĩa Yên Bái.
C. Đảng cộng sản Việt Nam ra đời đã kịp thời lãnh đạo.
D. Địa chủ phong kiến cấu kết với thực dân Pháp đàn áp, bóc lột nhân dân.

Câu 48. Nội dung nào sau đây không phản ánh đúng bản chất chính quyền Xô viết Nghệ-Tĩnh?

- A. Ban bố quyền tự do dân chủ. B. Chống thù trong, giặc ngoài.
C. Xóa bỏ các tệ nạn xã hội. D. Chia ruộng đất cho dân nghèo.

Câu 49. Chính quyền Xô viết tồn tại trong khoảng thời gian bao lâu?

- A. Từ 2 đến 3 tháng. B. Từ 4 đến 5 tháng.
C. Trải qua 56 ngày đêm. D. Qua 9 năm kháng chiến.

Câu 50. Tổ chức nào đứng ra quản lý mọi mặt đời sống chính trị, xã hội ở nông thôn Nghệ - Tĩnh?

- A. Ban Chấp hành nông hội. B. Ban Chấp hành công hội.
C. Hội phụ nữ giải phóng. D. Đoàn thanh niên phản đế.

BÀI 15: PHONG TRÀO DÂN CHỦ 1936 - 1939.

Câu 1. Đại hội VII Quốc tế Cộng sản (7/1935) đã xác định kẻ thù nguy hiểm trước mắt của nhân dân thế giới là

- A. phát xít. B. tư bản. C. đế quốc. D. phong kiến.

Câu 2. Đại hội VII Quốc tế Cộng sản (7/1935) đã xác định mục tiêu đấu tranh của nhân dân thế giới là giành

- A. độc lập, dân chủ. B. dân chủ, chống phát xít.
C. dân chủ, bảo vệ hòa bình. D. dân chủ, chống phong kiến.

Câu 3. Đại hội VII (7/1935) Quốc tế Cộng sản đã đề ra chủ trương thành lập Mặt trận là

- A. đoàn kết. B. nhân dân. C. dân chủ. D. cứu nước.

Câu 4. Đảng Cộng sản Đông Dương đã xác định kẻ thù cụ thể, trước mắt của nhân dân Đông Dương trong những năm 1936-1939 là

- A. thực dân Pháp và phong kiến tay sai. B. bọn phản động Pháp và tay sai.
C. thế lực phong kiến tay sai cho tư bản Pháp. D. tư bản Pháp và Tư sản mại bản.

Câu 5. Nhiệm vụ cụ thể của cách mạng Đông Dương trong những năm 1936-1939 được Đảng ta xác định là chống

- A. hai thế lực đế quốc và phong kiến. B. phát xít, chống đế quốc Pháp xâm lược.
C. phát xít, chiến tranh, đòi tự do, dân chủ, cơm áo và hòa bình.
D. đế quốc Pháp và tay sai phản động, đòi tự do và dân chủ.

Câu 6. Về hình thức và phương pháp đấu tranh trong những năm 1936-1939, Đảng chủ trương

- A. khởi nghĩa vũ trang là chính, kết hợp với đấu tranh chính trị.
B. đấu tranh hợp pháp, nửa hợp pháp, công khai và nửa công khai.
C. bằng lực lượng quần chúng, hạn chế sử dụng bạo lực.
D. đẩy mạnh đấu tranh nghị trường để hỗ trợ đấu tranh vũ trang.

Câu 7. Trong các cuộc mít tinh, biểu tình, đưa "dân nguyện" nhân dịp đón phái viên của chính phủ Pháp, lực lượng tham gia đông đảo nhất là

- A. công nhân và học sinh. B. viên chức và học sinh.
C. công nhân và nông dân. D. tiểu thương, tiểu chủ.

Câu 8. Tháng 3/1938 Mặt trận thống nhất nhân dân phản đế Đông Dương đổi tên thành

- A. Mặt trận dân tộc phản đế Đông minh. B. Hội phản đế Đồng Minh.
C. Mặt trận Dân chủ Đông Dương. D. Mặt trận Việt Minh.

Câu 9. Tháng 6/1936 Mặt trận nhân dân thắng cử và lên cầm quyền ở

- A. Đức. B. Pháp. C. Anh. D. Mỹ.

Câu 10. Phong trào đấu tranh công khai rộng lớn của quần chúng trong cao trào 1936-1939, mở đầu bằng sự kiện

- A. triệu tập Đông Dương Đại hội.
B. vận động thành lập Ủy ban trù bị Đông Dương Đại hội.
C. thành lập các Ủy ban hành động ở nhiều địa phương.
D. đón phái viên của chính phủ Pháp sang Đông Dương.

Câu 11: Năm 1936, Đảng ta đề ra chủ trương thành lập Mặt trận

- A. thống nhất dân tộc phản đế Đông Dương.
B. thống nhất nhân dân phản đế Đông Dương.
C. Dân chủ Đông Dương. D. Việt Nam Độc lập Đồng minh.

Câu 12: Nhiệm vụ trực tiếp, trước mắt của cách mạng Đông Dương những năm 1936-1939 là

A. độc lập dân tộc và người cày có ruộng. B. đánh đổ thực dân Pháp giành độc lập.

C. đánh đổ phong kiến, thực hiện cách mạng ruộng đất

D. chống chế độ phản động thuộc địa, chống phát xít, chống chiến tranh.

Câu 13: Phương pháp đấu tranh được Đảng ta xác định trong thời kì 1936 – 1939 là kết hợp đấu tranh

A. công khai và hợp pháp. B. bí mật và bất hợp pháp.

C. chính trị với đấu tranh vũ trang. D. công khai và bí mật, hợp pháp và bất hợp pháp.

Câu 14: Văn kiện nào ra đời sau ngày Nhật đảo chính Pháp?

A. Chỉ thị “Nhật – Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta”

B. Lời kêu gọi nhân dân “ Sấm vũ khí đuổi thù chung”

C. Phá kho thóc của Nhật giải quyết nạn đói.

D. Chỉ thị “Sửa soạn khởi nghĩa”.

Câu 15: Địa danh nào được chọn làm thủ đô khu giải phóng Việt Bắc?

A. Tân Trào (Tuyên Quang) B. Đồng Văn (Hà Giang)

C. Pắc Bó (Cao Bằng) D. Định Hóa (Thái Nguyên)

Câu 16. Sau những cuộc khủng hoảng kinh tế 1929 - 1933, chủ nghĩa phát xít đã nắm được chính quyền ở đâu?

A. Đức, Pháp, Nhật.

C. Đức, Tây Ban Nha, Ý.

B. Đức, Italia, Nhật.

D. Đức, Áo- Hung.

Câu 17: Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương (tháng 7/1936) định ra đường lối và phương pháp đấu tranh dựa trên

A. Nghị quyết Đại hội lần VII của Quốc tế Cộng sản.

B. hệ thống tổ chức của Đảng đã được khôi phục.

C. Nghị quyết Đại hội đại biểu lần thứ nhất Đảng Cộng sản Đông Dương.

D. phong trào đấu tranh của quần chúng lên cao.

Câu 18: Đảng chủ trương thành lập Mặt trận Nhân dân phản đế Đông Dương để

A. cô lập, phân hóa kẻ thù chính của cách mạng.

B. tập hợp lực lượng yêu nước, đấu tranh chống phát xít, bảo vệ hòa bình.

C. chống lại âm mưu phá hoại của kẻ thù.

D. khẳng định vai trò của nhân dân trong sự nghiệp cách mạng.

Câu 19: Trong những năm 1936 - 1939 lĩnh vực đấu tranh mới của Đảng là

A. ngoại giao.

B. tư tưởng.

C. báo chí.

D. vũ trang.

Câu 20: Nguyên nhân chủ yếu làm cho cuộc vận động dân chủ 1936-1939 chấm dứt là

A. chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ.

B. Đảng Cộng sản Đông Dương rút vào hoạt động bí mật.

C. bọn phản động thuộc địa phản công phong trào cách mạng.

D. Liên Xô suy yếu do bị Chủ nghĩa đế quốc tấn công.

Câu 21: Đảng phát động phong trào "Đông Dương Đại hội "để

A. mua sắm vũ khí, chuẩn bị khởi nghĩa. B. thu thập nguyện vọng của dân.

C. thành lập lực lượng vũ trang.

D. chuẩn bị cho Hội nghị Giơ-ne-vơ.

Câu 22: Hội Nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương (tháng 7- 1936) đã xác định nhiệm vụ chiến lược của cách mạng là

- A. chống đế quốc và chống phong kiến. B. chống đế quốc và tay sai.
C. chống phát xít, chống chiến tranh. D. chống phong kiến và bọn tay sai.

Câu 23: Lí do chuyển hướng chủ trương cách mạng của Đảng Cộng sản Đông Dương trong những năm 1936-1939 là

- A. sự chỉ đạo của Quốc tế Cộng sản.
B. Mâu thuẫn trong xã hội Việt Nam ngày càng gay gắt.
C. Tình hình thế giới và trong nước có nhiều thay đổi.
D. chính phủ Mặt trận nhân dân Pháp lên cầm quyền.

Câu 24: Khẩu hiệu đấu tranh của thời kì 1936-1939 là

- A. đánh đổ đế quốc Pháp làm cho Đông Dương hoàn toàn độc lập.
B. tịch thu ruộng đất của địa chủ chia cho dân cày.
C. độc lập dân tộc, người cày có ruộng.
D. chống Phát xít, chống chiến tranh, đòi tự do, cơm áo và hòa bình.

Câu 25: Tháng 3 - 1938, Mặt trận Thống nhất nhân dân phản đế Đông Dương đổi tên thành

- A. Mặt trận Đông Dương B. Mặt trận Nhân dân Đông Dương
C. Mặt trận dân chủ Đông Dương D. Mặt trận phản đế Đông Dương

Câu 26: Đường lối, chủ trương của Đảng trong thời kì 1936 - 1939 được thể hiện ở Nghị quyết

- A. Đại hội đại biểu lần thứ nhất của Đảng tháng 3/1935.
B. Hội nghị Ban chấp hành trung ương Đảng tháng 7/1936.
C. Hội nghị Ban chấp hành trung ương Đảng tháng 11/1939.
D. Hội nghị Ban chấp hành trung ương Đảng tháng 11/1940.

Câu 27. Cuộc mít tinh lớn của hai vạn rưỡi người tại quảng trường Nhà Đấu Xảo – Hà Nội năm 1938 diễn ra vào dịp kỉ niệm

- A. ngày thành lập Đảng. B. Quốc Tế Lao Động.
C. phong trào Xô Viết Nghệ - Tĩnh. D. Cách mạng tháng Mười Nga.

Câu 28: Hoàn cảnh nào đã tác động đến phong trào cách mạng nước ta trong những năm 1936 – 1939?

- A. Cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới trầm trọng
B. Chủ nghĩa phát xít xuất hiện và lên cầm quyền ở một số nước.
C. Cuộc chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ.
D. Sự xiết chặt chính sách thống trị của thực dân Pháp.

Câu 29: Sự kiện tiêu biểu nhất trong phong trào đấu tranh của quần chúng năm 1938 là

- A. Phong trào Đông Dương đại hội.
B. Phong trào đón rước phái viên của chính phủ Pháp.
C. Cuộc mít tinh của 2,5 vạn người tại khu Đấu Xảo (Hà Nội).
D. Cuộc tổng bãi công của công nhân công ty than Hòn Gai.

Câu 30: Đầu **không phải** là kết quả của phong trào dân chủ 1936-1939?

- A. Chính quyền thực dân phải nhượng bộ, cải thiện một phần quyền dân sinh.
B. Quần chúng được giác ngộ và tập dượt đấu tranh dưới nhiều hình thức.
C. Giành được chính quyền ở một số địa phương, xây dựng được căn cứ địa.

D. Quần chúng được tổ chức và giác ngộ, cán bộ, đảng viên được tôi luyện.

Câu 31. Nội dung nào **không phải** chính sách của chính phủ Mặt trận nhân dân Pháp năm 1936 đối với Đông Dương?

- A. Cử phái viên sang điều tra tình hình Đông Dương B. Ân xá một số tù chính trị
C. Nới rộng quyền tự do báo chí. D. Trao trả độc lập cho các nước Đông Dương.

Câu 32: Một số tù chính trị ở Việt Nam được thả ra đã nhanh chóng tìm cách hoạt động trở lại là nhờ chính sách của tổ chức nào?

- A. Chính phủ Mặt trận nhân dân Pháp. B. Đảng xã hội dân chủ Pháp.
C. Đảng Cộng sản Pháp. D. Quốc tế Cộng sản.

Câu 33: Phong trào dân chủ 1936 - 1939 **không** có nội dung nào sau đây?

- A. Xuất bản nhiều tờ báo công khai.
B. Biểu tình đòi giảm sưu, giảm thuế.
C. Tổ chức mít tinh đón rước phái đoàn Pháp
D. Tổ chức nhân dân họp bàn, đưa dân nguyện.

Câu 34: Trong cuộc vận động dân chủ 1936 - 1939, có hai sự kiện tiêu biểu nhất, đó là phong trào

- A. Đông Dương Đại hội và phong trào đấu tranh đòi dân sinh, dân chủ.
B. đấu tranh trên lĩnh vực báo chí và nghị trường.
C. đón Gô đa và đấu tranh nghị trường.
D. đòi dân sinh, dân chủ.

Câu 35. Đại hội lần VII Quốc tế Cộng sản đề ra chủ trương thành lập Mặt trận nhân dân ở các nước nhằm mục đích gì?

- A. Chống phát xít, chống chiến tranh thế giới, bảo vệ hòa bình.
B. Chống đế quốc thực dân.
C. Ủng hộ phong trào giải phóng dân tộc thế giới.
D. Giành độc lập dân tộc ở các nước thuộc địa.

Câu 37. Lực lượng tham gia đấu tranh trong cuộc vận động dân chủ 1936 - 1939 chủ yếu là

- A. Công nhân, nông dân. B. Tư sản, tiểu tư sản, nông dân.
C. Các lực lượng yêu nước, dân chủ tiến bộ. D. Liên minh tư sản và địa chủ.

Câu 38. Hình thức đấu tranh cơ bản của thời kì 1936 – 1939 là

- A. chính trị hòa bình, công khai, hợp pháp kết hợp nửa công khai, nửa hợp pháp.
B. bí mật, bất hợp pháp, sử dụng bạo lực chính trị kết hợp vũ trang.
C. chính trị, vũ trang tiến tới khởi nghĩa vũ trang.
D. vũ trang giành chính quyền.

Câu 39. Đại hội lần VII của Quốc tế Cộng sản đã xác định kẻ thù nguy hiểm trước mắt của nhân dân thế giới là chủ nghĩa

- A. đế quốc, thực dân. B. quân phiệt và chủ nghĩa đế quốc.
C. phát xít. D. phân biệt chủng tộc.

Câu 40: Những sự kiện nào sau đây **không** liên quan đến cuộc vận động dân chủ 1936 - 1939?

- A. Nghị quyết Đại hội lần thứ VII của Quốc tế Cộng sản. B. Thực dân đàn áp dã man Xô Viết Nghệ - Tĩnh.
C. Thắng lợi của Mặt trận nhân dân Pháp năm 1936. D. Các thế lực phát xít lên cầm quyền ở một số nước.

Câu 41: Trong năm 1936, Mặt trận nhân dân nước nào làm nòng cốt, thắng cử vào nghị viện và lên cầm quyền ở

A. Nước Đức. B. Nước Pháp. C. Nước Anh. D. Nước Tây Ban Nha.

Câu 42. Cuộc mít tinh lớn nhất trong cuộc vận động dân chủ 1936 - 1939, diễn ra tại

A. Quảng trường Ba Đình (Hà Nội). B. Bến Thủy (Vinh).
C. Hà Nội. D. nhà Đấu Xảo - Hà Nội.

Câu 43. Sắp xếp các dữ liệu sau theo trình tự thời gian:

- (1). Chủ nghĩa phát xít đã lên cầm quyền ở Đức, Italia, Nhật Bản.
- (2). Các cuộc mít tinh được tổ chức công khai ở Hà Nội và nhiều nơi khác.
- (3). Chính phủ Mặt trận nhân dân lên cầm quyền ở Pháp.

A. 1,3,2 B. 3,2,1. C. 2,1,3. d. 3,1,2.

Câu 44. Sắp xếp các dữ liệu sau theo trình tự thời gian:

- (1). Mặt trận thống nhất dân tộc phản đế Đông Dương đổi thành Mặt trận dân chủ Đông Dương.
- (2). Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương do Lê Hồng Phong chủ trì họp ở Thượng Hải.
- (3). Phong trào dân chủ 1936 – 1939 như một cuộc tập dượt, chuẩn bị cho Tổng khởi nghĩa tháng Tám sau này.

A. 2,1,3. B. 1,2,3. C. 3,1,2. D. 3,2,1

Câu 45: Đảng phát động phong trào “Đông Dương đại hội” để

- A. mua sắm vũ khí, chuẩn bị khởi nghĩa giành chính quyền.
B. thu nhập nguyện vọng của dân, chuẩn bị triệu tập Đông Dương đại hội.
C. thành lập lực lượng vũ trang. D. chuẩn bị hội nghị Giơ ne vơ.

BÀI 16: PHONG TRÀO GIẢI PHÓNG DÂN TỘC VÀ TỔNG KHỞI NGHĨA THÁNG TÁM (1939 – 1945). NƯỚC VIỆT NAM DÂN CHỦ CỘNG HÒA RA ĐỜI.

Câu 1. Ngay khi tiến công vào Đông Dương, quân Nhật đã

- A. hất cảng Pháp ra khỏi Đông Dương.
B. giữ nguyên bộ máy thống trị của Pháp để vợ vét bóc lột.
C. bắt lính người Việt đi làm bia đỡ đạn thay cho người Nhật.
D. thiết lập bộ máy thống trị mới của Nhật.

Câu 2. Khi vào Đông Dương, quân Nhật và tay sai ra sức tuyên truyền, lừa bịp về văn minh và sức mạnh của Nhật thông qua thuyết

A. Đại Đông Á. B. Kinh tế chỉ huy. C. Nhật vô địch. D. Cam kết và mở rộng.

Câu 3. Đầu tháng 9 - 1939 toàn quyền Ca-tơ-ru ra lệnh tổng động viên nhằm

- A. tăng mức thuế cũ đặt thêm thuế mới.
B. sử dụng các sân bay, phương tiện giao thông.
C. cung cấp tối đa tiềm lực về quân sự, nhân lực và nguyên liệu.
D. bắt chính quyền Pháp nộp cho chúng một khoản tiền lớn.

Câu 4. Tình hình nổi bật ở Đông Dương khi chiến tranh thế giới thứ hai diễn ra là:

- A. Nhân dân chịu cảnh áp bức “một cổ hai tròng”.
B. Nền kinh tế nông nghiệp tổn hại nghiêm trọng.
C. Mâu thuẫn xã hội sâu sắc không thể điều hòa được.

D. Mâu thuẫn xã hội giữa các tầng lớp trong xã hội.

Câu 5. Chính sách vơ vét bóc lột của Pháp - Nhật đã gây ra hậu quả lớn nhất là

A. kinh tế tiêu điều.

B. đời sống nhân dân khó khăn.

C. nông dân phải nhổ lúa, ngô để trồng đay.

D. gần 2 triệu đồng bào chết đói.

Câu 6. Chiến tranh thế giới thứ hai nổ ra, thực dân Pháp đã thi hành chính sách kinh tế gì?

A. Cầu kết với Nhật để thống trị nhân dân ta.

B. Vơ vét sức người sức của phục vụ chiến tranh.

C. Kinh tế chỉ huy.

D. Sa thải công nhân viên chức.

Câu 7. Hội nghị 11 - 1939, Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương đã xác định mục tiêu đấu tranh trước mắt là

A. đánh đổ đế quốc và tay sai, giải phóng các dân tộc Đông Dương, làm cho Đông Dương hoàn toàn độc lập.

B. tiêu diệt chủ nghĩa phát xít, chia ruộng đất cho dân cày.

C. đánh đổ đế quốc và phong kiến.

D. đánh đổ Nhật – Pháp làm cho Đông Dương độc lập.

Câu 8. Phương pháp đấu tranh được Hội nghị 11 - 1939, Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương đã đề ra là

A. đấu tranh bí mật, công khai.

B. đấu tranh hợp pháp, nửa hợp pháp.

C. hoạt động hợp pháp, nửa hợp pháp sang hoạt động bí mật.

D. đấu tranh đòi dân sinh, dân chủ.

Câu 9. Khẩu hiệu đấu tranh được đề ra trong Hội nghị 11 - 1939 Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương là

A. tiến hành cách mạng ruộng đất. B. lập chính quyền Xô Viết công - nông - binh.

C. đấu tranh đánh đổ chính quyền đế quốc và tay sai.

D. tịch thu ruộng đất của bọn thực dân đế quốc và địa chủ phản bội.

Câu 10. Hội nghị lần thứ 8 (5/1941) Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương diễn ra ở

A. Pác Bó (Cao Bằng).

B. Hóc Môn (Gia Định).

C. Hương Cảng (Trung Quốc).

D. Tân Trào (Tuyên Quang).

Câu 11. Hình thức Mặt trận được thành lập trong Hội nghị Trung ương Đảng tháng 5 - 1941 là

A. Việt Minh.

B. Hội phản đế Đồng minh.

C. Liên Việt.

D. Mặt trận phản đế Đông Dương.

Câu 12. Chiến thắng đầu tiên của Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân diễn ra ở

A. Phay Khắt và Nà Ngần.

B. Cao Bằng.

C. Lạng Sơn.

D. Thái Nguyên.

Câu 13. Trong khi Nhật đảo chính Pháp, Đảng ta đã

A. tích cực chuẩn bị cho khởi nghĩa.

B. phát động cao trào kháng Nhật cứu nước.

C. ra chỉ thị “Nhật – Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta”.

D. ra khẩu hiệu “Đánh đuổi Pháp – Nhật”.

Câu 14. Khi nạn đói đang diễn ra trầm trọng do chính sách cướp bóc của Pháp – Nhật, Đảng đã ra khẩu hiệu

A. “Đánh đuổi Pháp – Nhật”.

B. “Đánh đuổi phát xít Nhật”.

C. “Phá kho thóc giải quyết nạn đói”.

D. “Độc lập dân tộc”.

Câu 15: Trong Cao trào kháng Nhật cứu nước, khẩu hiệu nào đáp ứng nguyện vọng cấp bách của nông dân?

A. Xóa nợ, giảm tô.

B. Cơm áo và hòa bình.

C. Chia lại ruộng đất công. D. Phá kho thóc giải quyết nạn đói.

Câu 16. Khẩu hiệu “Đánh đuổi phát xít Nhật” được nêu ra trong

A. Hội nghị Ban chấp hành Trung ương Đảng 5-1945.

B. Chỉ thị “Nhật – Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta”.

C. Đại hội quốc dân Tân Trào. D. Hội nghị quân sự cách mạng Bắc Kỳ.

Câu 17. Tổ chức nào được thành lập trong Hội nghị Quân sự cách mạng Bắc Kỳ 20/4/1945?

A. Ủy ban Việt Minh lâm thời liên tỉnh Cao - Bắc - Lạng.

B. Ủy ban Dân tộc giải phóng Việt Nam.

C. Ủy ban Quân sự cách mạng Bắc Kỳ. D. Ủy ban lâm thời Khu giải phóng.

Câu 18. Khu giải phóng Việt Bắc gồm hầu hết các tỉnh

A. Cao Bằng, Bắc Cạn, Lạng Sơn, Hà Giang, Tuyên Quang, Thái Nguyên.

B. Bắc Giang, Phú Thọ, Yên Bái, Vĩnh Yên.

C. Cao Bằng, Bắc Cạn, Lạng Sơn, Hà Nội, Tuyên Quang, Thái Nguyên.

D. Cao Bằng, Bắc Cạn, Lạng Sơn, Hà Giang, Tuyên Quang, Thái Bình.

Câu 19. Bốn tỉnh giành được chính quyền sớm nhất trong cả nước là

A. Bắc Giang, Hải Dương, Hà Tĩnh, Quảng Nam.

B. Bắc Giang, Hải Dương, Hà Tĩnh, Quảng Bình.

C. Hà Nội, Huế, Sài Gòn, Đà Nẵng.

D. Bắc Ninh, Hải Dương, Hà Tĩnh, Quảng Nam.

Câu 20. Đội du kích đầu tiên được thành lập ở nước ta là

A. Đội du kích Ba Tơ. B. Đội du kích Bắc Sơn.

C. Đội Cứu quốc quân. D. Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân.

Câu 21. Căn cứ địa cách mạng đầu tiên ở nước ta được thành lập ở

A. Bắc Sơn – Võ Nhai. B. Cao Bằng. C. Ba Tơ. D. Khu giải phóng Việt Bắc.

Câu 22: Câu nói bất hủ “Không có gì quý hơn Độc lập – Tự do” được trích trong văn bản nào?

A. Tác phẩm “Bản án chế độ thực dân Pháp”- Nguyễn Ái Quốc.

B. “Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến” – Chủ tịch Hồ Chí Minh.

C. “Tuyên ngôn Độc lập” - Chủ tịch Hồ Chí Minh.

D. Tác phẩm “Kháng chiến nhất định thắng lợi”- Tổng Bí thư Trường Chinh.

Câu 23: Khi chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ, Đảng Cộng sản Đông Dương đã

A. Rút vào bí mật, chuẩn bị cho một cao trào mới.

B. Đòi Pháp phải trả ngay lập tức độc lập cho Việt Nam.

C. Liên minh với Nhật để chống Pháp.

D. Phát động quần chúng tổng khởi nghĩa giành chính quyền.

Câu 24: Tại Hội nghị Trung ương Đảng lần 8 (5/1941), Nguyễn Ái Quốc đã xác định nhiệm vụ bức thiết của cách mạng Việt Nam là gì?

A. Giải phóng dân tộc. B. Cách mạng ruộng đất.

C. Thành lập Mặt trận Việt Minh. D. Phát động Tổng khởi nghĩa giành chính quyền.

Câu 25: Lệnh Tổng khởi nghĩa trong cả nước được ban bố trong hoàn cảnh

A. Nhật Bản sắp đầu hàng Đồng minh. B. Nhật Bản đã đầu hàng Đồng minh.

C. Nhật Bản chuyển giao chính quyền ở Việt Nam cho chính phủ Trần Trọng Kim.

D. Một số địa phương trong cả nước đã giành được chính quyền.

Câu 26. Nguyên nhân chủ yếu dẫn đến nạn đói của hơn hai triệu đồng bào miền Bắc cuối 1944 đầu 1945 là do

A. thực dân Pháp bắt dân ta bán thóc theo diện tích cây cấy.

B. phát xít Nhật bắt dân ta nhổ lúa, phá hoa màu để trồng đay và thầu dầu.

C. lương thực từ miền Nam không thể vận chuyển ra miền Bắc.

D. vụ mùa năm 1945 thất thu do thiên tai.

Câu 27. Mặt trận được thành lập trong Hội nghị Trung ương Đảng tháng 11/1939 là

A. Hội phản đế đồng minh Đông Dương.

B. Mặt trận thống nhất dân chủ Đông Dương.

C. Mặt trận thống nhất dân tộc phản đế Đông Dương.

D. Mặt trận Việt Nam độc lập Đồng minh.

Câu 28. Nội dung quan trọng nhất của Hội nghị Trung ương Đảng lần VI là

A. Nhật là kẻ thù chủ yếu của nhân dân Đông Dương.

B. đánh đổ đế quốc và tay sai, giải phóng các dân tộc Đông Dương.

C. Cách mạng ruộng đất là nhiệm vụ chủ yếu.

D. Đưa vấn đề giải phóng dân tộc lên hàng đầu.

Câu 29. Nội dung nào sau đây **không nằm** trong Nghị quyết Hội nghị Trung ương Đảng (11/1939)?

A. Đưa vấn đề giải phóng dân tộc lên hàng đầu.

B. Tạm gác nhiệm vụ cách mạng ruộng đất.

C. Dùng bạo lực cách mạng để giành chính quyền.

D. Nhật là kẻ thù chủ yếu.

Câu 30: Thắng lợi của Cách mạng tháng Tám đánh dấu bước phát triển nhảy vọt của cách mạng Việt Nam, mở đầu kỉ nguyên mới của dân tộc

A. kỉ nguyên độc lập tự do; nhân dân lao động nắm chính quyền, làm chủ đất nước; kỉ nguyên giải phóng dân tộc gắn liền với giải phóng xã hội.

B. kỉ nguyên độc lập tự do; nhân dân lao động nắm chính quyền, làm chủ đất nước; kỉ nguyên giải phóng dân tộc gắn liền với giải phóng thế giới.

C. kỉ nguyên độc lập tự do; giai cấp tư sản nắm chính quyền, làm chủ đất nước; kỉ nguyên giải phóng dân tộc gắn liền với giải phóng xã hội.

D. kỉ nguyên độc lập tự do tiến lên Tư bản chủ nghĩa.

Câu 31. Nội dung nào **không** là vai trò của mặt trận Việt Minh trong thời kì từ tháng 5-1941 đến tháng 3-1945?

A. Chuẩn bị về lực lượng chính trị, lực lượng vũ trang và căn cứ địa cách mạng.

B. Chỉ đạo cao trào kháng Nhật cứu nước.

C. Huy động quần chúng tham gia đông đảo vào cuộc Tổng khởi nghĩa tháng Tám.

D. Ra chỉ thị “Nhật – Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta”.

Câu 32. Sự kiện nào đánh dấu Đảng và nhân dân ta đã hoàn tất quá trình chuẩn bị cho cuộc Tổng khởi nghĩa tháng Tám?

A. Cao trào kháng Nhật cứu nước. **B.** Hội nghị Quân sự cách mạng Bắc Kỳ.

C. Hội nghị toàn quốc của Đảng. D. Đại hội quốc dân ở Tân Trào.

Câu 33. Những thắng lợi quan trọng nào trong cách mạng tháng Tám đã tác động mạnh đến các địa phương trong cả nước?

A. Hà Nội, Huế.

B. Bắc Giang, Hải Dương, Hà Tĩnh, Quảng Nam.

C. Hà Nội, Huế, Sài Gòn.

D. Hà Nội, Huế, Đà Nẵng, Hải Dương.

Câu 34. Một hình thức đấu tranh tiêu biểu và thu hút đông đảo quần chúng tham gia nhất trong thời kì “cao trào kháng Nhật cứu nước” là

A. các cuộc khởi nghĩa từng phần. B. phong trào “Phá kho thóc Nhật giải quyết nạn đói”.

C. các cuộc biểu tình chống Nhật. D. phong trào chiến tranh du kích.

Câu 35. Hội nghị lần 8 (5-1941) Ban chấp hành Trung ương Đảng có ý nghĩa lịch sử to lớn như thế nào ?

A. xác định hình thái khởi nghĩa ở nước ta là đi từ khởi nghĩa từng phần lên tổng khởi nghĩa.

B. chuẩn bị khởi nghĩa là nhiệm vụ trọng tâm.

C. thông qua Tuyên ngôn, Chương trình, Điều lệ của Việt Minh.

D. hoàn chỉnh chủ trương chiến lược và phương pháp cách mạng được đề ra từ Hội nghị Trung ương Đảng tháng 11-1939.

Câu 36. Nghị quyết Hội nghị 11-1939 Ban chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương có ý nghĩa

A. Đánh dấu bước chuyển hướng quan trọng – đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên hàng đầu.

B. Đánh dấu bước chuyển hướng quan trọng – đặt nhiệm vụ giải phóng giai cấp lên hàng đầu.

C. Đoàn kết cách mạng Đông Dương, chống kẻ thù chung là chủ nghĩa đế quốc.

D. Chú trọng đấu tranh vũ trang để giải phóng dân tộc.

Câu 37. Nhiệm vụ nào **không phải** là nhiệm vụ cấp bách của Đảng khi vận động quần chúng tham gia Việt Minh?

A. Xây dựng Hội Văn hóa Cứu quốc.

B. Xây dựng hội Cứu quốc.

RC.a bản đề cương văn hóa Việt Nam.

D. Xây dựng Mặt trận Dân chủ.

Câu 38. Phương pháp đấu tranh chủ yếu trong cách mạng tháng Tám là

A. đấu tranh chính trị. B. đấu tranh vũ trang.

C. đấu tranh chính trị kết hợp đấu tranh vũ trang.

D. đấu tranh chính trị kết hợp đấu tranh vũ trang, ngoại giao.

Câu 39. Tính chất của Cách mạng tháng Tám năm 1945 ở Việt Nam là cuộc cách mạng

A. dân chủ tư sản.

B. vô sản.

C. giải phóng dân tộc.

D. xã hội chủ nghĩa.

Câu 40. Nguyên nhân nào quyết định sự thắng lợi của cách mạng tháng Tám ?

A. Truyền thống yêu nước chống ngoại xâm của dân tộc.

B. Toàn Đảng toàn dân nhất trí, đồng lòng, không sợ hy sinh gian khổ, quyết tâm giành độc lập tự do.

C. Phát xít Nhật đầu hàng Đồng minh.

D. Đảng Cộng sản Đông Dương đứng đầu là Hồ Chí Minh lãnh đạo đã đề ra đường lối đúng đắn.

Câu 41: Lực lượng nào được coi là tiền thân của Quân đội Nhân dân Việt Nam?

A. Trung đội Cứu quốc quân I.

B. Việt Nam Giải phóng quân.

C. Việt Nam Cứu quốc quân. D. Đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân.

Câu 42: Giai đoạn khởi nghĩa từng phần (từ tháng 3 đến giữa tháng 8/1945) của cách mạng nước ta còn được gọi là

A. phong trào chống Nhật cứu nước.

B. cao trào kháng Pháp và Nhật.

C. cao trào kháng Nhật cứu nước.

D. cao trào đánh đuổi phát xít Nhật.

Câu 43: Sự kiện nào đánh dấu sự sụp đổ hoàn toàn của chế độ phong kiến Việt Nam?

- A. Tổng khởi nghĩa thắng lợi trên cả nước. B. Vua Bảo Đại tuyên bố thoái vị.
- C. Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời.
- D. Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc “Tuyên ngôn độc lập”.

Câu 44. Mặt trận nào có vai trò chuẩn bị trực tiếp cho Cách mạng tháng Tám 1945?

- A. Mặt trận Thống nhất Dân tộc phản đế Đông Dương. B. Mặt trận Dân chủ Đông Dương.
- C. Mặt trận Việt Minh. D. Mặt trận Liên Việt.

Câu 45. Kẻ thù chính của nhân dân Việt Nam sau ngày 9/3/1945 là

- A. phát xít Nhật. B. Pháp và Nhật. C. thực dân Pháp. D. Pháp và tay sai.

Câu 46. Hội nghị Trung ương lần thứ 8(5/1941) xác định hình thái của cuộc khởi nghĩa giành chính quyền ở nước ta là

- A. khởi nghĩa vũ trang giành chính quyền. B. từ giữ gìn lực lượng sang thế tiến công.
- C. bạo lực cách mạng để đánh bại kẻ thù.
- D. đi từ khởi nghĩa từng phần tiến lên tổng khởi nghĩa.

Câu 47. Khẩu hiệu nào được Đảng Cộng sản Đông Dương đề ra từ chỉ thị “ Nhật - Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta”?

- A. Đánh đuổi đế quốc và tay sai. B. Đánh đuổi thực dân Pháp.
- C. Đánh đuổi Pháp - Nhật. D. Đánh đuổi phát xít Nhật.

Câu 48. Sắp xếp các sự kiện theo trình tự thời gian:

- 1. Cao trào kháng Nhật cứu nước
- 2. Mặt trận Việt Minh ra đời
- 3. Nhật đảo chính Pháp.

- A. 2 - 1 - 3. B. 3 - 2 - 1. C. 2 - 3 - 1. D. 1 - 3 - 2.

Câu 49. Cho các sự kiện sau:

- 1. Nhật đầu hàng quân Đồng minh.
- 2. Nhật vượt biên giới Việt - Trung và tiến vào miền bắc Việt Nam.
- 3. Nhật đảo chính lật đổ Pháp độc chiếm Đông Dương.

Hãy sắp xếp các sự kiện trên theo đúng trình tự thời gian.

- A. 1,2,3. B. 1,3,2. C. 2,3,1. D. 3,2,1.

Câu 50. Nội dung nào sau đây **không** thuộc Nghị quyết Hội nghị trung ương Đảng lần thứ 8 (5/1941)?

- A. Nhiệm vụ cách mạng chủ yếu là đấu tranh giai cấp.
- B. Giải phóng dân tộc.
- C. Tạm gác cách mạng ruộng đất.
- D. Kẻ thù của cách mạng là đế quốc Pháp và phát xít Nhật.

Câu 51. Nơi thí điểm xây dựng các đoàn thể quần chúng trong Mặt trận Việt Minh là

- A. Hà Nội. B. Tuyên Quang. C. Cao Bằng. D. Thái Nguyên.

Câu 52. Nội dung nào sau đây **không phải** là ý nghĩa của cách mạng tháng Tám 1945?

- A. Phá tan xiềng xích nô lệ của Pháp - Nhật và phong kiến, đem lại độc lập tự do cho dân tộc.
- B. Mở ra một kỉ nguyên mới trong lịch sử dân tộc: độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội.
- C. Buộc Pháp công nhận độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam.

D. Thắng lợi đầu tiên trong thời đại mới của một dân tộc nhược tiểu đã tự giải phóng khỏi ách đế quốc thực dân.

Câu 53. Thời kì 1939-1945, Đảng ta xác định nhiệm vụ chính của cách mạng là chống

A. đế quốc và phong kiến, giành độc lập dân tộc và ruộng đất cho dân cày.

B. đế quốc và tay sai giành độc lập dân tộc.

C. bọn phản động Pháp và tay sai, giành tự do dân chủ, cơm áo hòa bình.

D. chủ nghĩa phát xít để bảo vệ hòa bình thế giới.

Câu 54. Nhận định nào sau đây **không đúng** về tác động của sự kiện Nhật đảo chính Pháp ngày 9/3/1945 đến cách mạng nước ta?

A. Cuộc đảo chính đã tạo nên thời cơ chín muồi.

B. Điều kiện tổng khởi nghĩa chưa chín muồi.

C. Phát xít Nhật trở thành kẻ thù chính của nhân dân Đông Dương.

D. Đánh đuổi phát xít Nhật là nhiệm vụ hàng đầu của nhân dân Đông Dương.

Câu 55: Sự kiện mở ra thời kì khởi nghĩa từng phần ở Việt Nam là

A. Ban bố Quân lệnh số 1.

B. Nhật đảo chính Pháp.

C. Nhật đầu hàng Đồng minh.

D. Chỉ thị “Sửa soạn khởi nghĩa của Đảng”

Câu 61. Nội dung nào sau đây **không** phản ánh đúng hành động của thực dân Pháp sau khi phát xít Nhật vào Đông Dương?

A. thực hiện chính sách Kinh tế chỉ huy. B. Đầu hàng và chia sẻ quyền lợi cho Nhật.

C. Tăng cường bóc lột nhân dân Đông Dương.

D. Hợp tác cùng nhân dân Đông Dương chống Nhật.

Câu 56. Nội dung quan trọng nhất của Hội nghị trung ương Đảng lần thứ 6 (11/1939) là

A. mục tiêu đánh đuổi Pháp - Nhật.

B. chống phát xít, chống chiến tranh.

C. đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên hàng đầu.

D. tăng cường khối đoàn kết toàn dân trong mặt trận thống nhất.

Câu 57. Nội dung nào gắn với thời kì khởi nghĩa từng phần?

A. Khẩu hiệu đánh đuổi Pháp - Nhật.

B. Cuộc mít tinh của hàng vạn nhân dân ở Huế tại cửa Ngọ Môn .

C. Hàng triệu quần chúng kéo đi phá kho thóc chống đói.

D. Thành lập Ủy ban Dân tộc giải phóng Việt Nam .

Câu 58. Sự kiện nào chứng tỏ Đảng Cộng sản Đông Dương đã hoàn chỉnh chủ trương chuyển hướng chỉ đạo chiến lược cách mạng Việt Nam?

A. Hội nghị Trung ương lần thứ 6 (tháng 11/1939).

B. Hội nghị Trung ương lần 8 (tháng 5/1941).

C. Hội nghị toàn quốc (13-15/8/1945).

D. Đại hội quốc dân Tân Trào (16-18/8/1945).

Phần II: Tự luận (3 điểm)

1. Chính sách khai thác thuộc địa của thực dân Pháp ở VN sau CTTG I? Trình bày vấn tắt thái độ chính trị, khả năng cách mạng của giai cấp công nhân và nông dân trong XHVN sau CTTG I.

2. Những hoạt động yêu nước của Nguyễn Ái Quốc từ năm 1919 – 1925. Công lao lớn nhất của Nguyễn Ái Quốc đối với dân tộc VN?
3. Nội dung Cương lĩnh chính trị đầu tiên của ĐCSVN. Vì sao nói: ĐCSVN ra đời là một bước ngoặt vĩ đại đối với CMVN?
4. Các chính sách của Xô viết Nghệ - Tĩnh. Tại sao nói Xô viết Nghệ - Tĩnh là đỉnh cao của phong trào cách mạng 1930 – 1931 ở nước ta?
5. Hoàn cảnh lịch sử và diễn biến khởi nghĩa từng phần từ tháng 3 đến giữa tháng 8 - 1945.
6. Phân tích thời cơ trong cách mạng tháng Tám năm 1945. Tại sao thời cơ trong cách mạng tháng Tám năm 1945 là thời cơ ngàn năm có một?
7. Phân tích nguyên nhân thắng lợi, ý nghĩa lịch sử của cách mạng tháng Tám năm 1945.
8. Nội dung và ý nghĩa của 5 hội nghị...